

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THỊ TRẤN 2

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THỊ TRẤN 2

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Văn Hiếu	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Lê Thị Bình	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Lê Chí Thành	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
4	Liêu Thị Ánh Hồng	Thư kí Hội đồng trường	Thư ký hội đồng	
5	Đặng Thanh Thuý	Tổ trưởng Văn phòng Cán bộ CNTT	Ủy viên hội đồng	
6	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	Tổ trưởng CM	Ủy viên hội đồng	
7	Lê Thành Đạt	Bí thư Chi Đoàn, Tổ trưởng CM	Ủy viên hội đồng	
8	Trần Đức Toàn	Tổng Phụ trách Đội	Ủy viên hội đồng	
9	Lê Thị Dạ Ngọc	Phụ trách Học vụ Tổ trưởng CM	Ủy viên hội đồng	
10	Nguyễn Hoàng Oanh	Kế toán	Ủy viên hội đồng	
11	Trần Ngọc Quý	GV chuyên trách công tác phổ cập GD Tổ phó CM	Ủy viên hội đồng	
12	Huỳnh Thị Phương Uyên	Tổ trưởng CM	Ủy viên hội đồng	
13	Trần Thị Tường Vy	Tổ phó CM	Ủy viên hội đồng	

14	Phạm Thị Thanh Loan	Tổ trưởng CM	Ủy viên hội đồng	
15	Trần Thị Bích Tuyên	Tổ trưởng CM	Ủy viên hội đồng	
16	Trần Thị Thảo Trang	Tổ phó CM	Ủy viên hội đồng	
17	Lê Thị Cẩm Hồng	Tổ trưởng CM	Ủy viên hội đồng	
18	Tô Kim Ngân	Tổ phó CM	Ủy viên hội đồng	
19	Nguyễn Huỳnh Phong Lan	Tổ trưởng CM	Ủy viên hội đồng	
20	Nguyễn Thị Trường Giang	GV phụ trách Thiết bị - THTN	Ủy viên hội đồng	
21	Nguyễn Ngọc Hồng Phụng	GV phụ trách Thư viện	Ủy viên hội đồng	
22	Hồ Thị Bích Phượng	CT Công đoàn	Ủy viên hội đồng	
23	Lê Thị Minh Tâm	GV - Tư vấn	Ủy viên hội đồng	
24	Phan Thị Kim Loan	Y tế	Ủy viên hội đồng	
25	Nguyễn Thị Nga	GV Phụ trách CLB	Ủy viên hội đồng	
26	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	GV Phụ trách CLB	Ủy viên hội đồng	
27	Nguyễn Ngọc Nga	Văn thư	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	18
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	18
Mở đầu	18
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	18
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	20
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	22
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	25
Tiêu chí 1.5: Lớp học	28
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	29
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	31
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	33
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	34
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	36
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	38
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	38

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	41
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	44
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	46
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	48
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	49
Mở đầu	49
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	49
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	51
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	53
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	55
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	56
Tiêu chí 3.6: Thư viện	59
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	61
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	61
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	63
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	66
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	66
Mở đầu	66
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	67
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	70
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	72
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	74
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	76

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	79
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	83
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	83
Phần IV. PHỤ LỤC	1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X

Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: đạt Mức 2.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trung học cơ sở Thị Trấn 2

Tên trước đây (nếu có): không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Văn Hiếu
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Củ Chi	Điện thoại	028.37908082
Xã / phường/thị trấn	Thị trấn Củ Chi	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	thcsthitrان2.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2000	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Khối lớp 6	9	9	9	10	8
Khối lớp 7	9	9	9	9	10
Khối lớp 8	9	9	9	9	9
Khối lớp 9	9	9	9	9	9
Cộng	36	36	36	37	36

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	47	49	49	49	49	
1	Phòng học	36	36	37	37	36	
a	Phòng kiên cố	36	36	37	37	36	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	06	06	06	06	06	
a	Phòng kiên cố	06	06	06	06	06	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	05	07	07	07	07	

a	Phòng kiên cố	05	07	07	07	07	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	06	07	08	08	08	
1	Phòng kiên cố	06	06	07	07	07	
2	Phòng bán kiên cố	0	01	01	01	01	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	03	03	03	03	03	- Khu bếp bán trú. - Nhà đa năng. - Khu phòng ngủ bán trú
	Cộng	57	60	61	61	61	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 11 năm 2022

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01					01	
Phó hiệu trưởng	02	01			01	01	
Giáo viên	67	55			62	05	
Nhân viên	07	05			07		
Cộng	77	61			70	07	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022
1	Tổng số giáo viên	70	67	67	67	64
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	1,9	1,86	1,81	1,86	1,78
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	0,045	0,044	0,045	0,043	0,043
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở	12	12	20	10	10

	lên (nếu có)					
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	01	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1.525	1.491	1.490	1.541	1.498	
	- Nữ	810	817	810	819	766	
	-Dân tộc thiểu số	19	20	24	22	24	
	- Khối lớp 6	393	381	402	425	318	
	- Khối lớp 7	377	378	371	402	427	
	- Khối lớp 8	379	367	362	361	398	
	- Khối lớp 9	376	365	355	353	355	
2	Tổng số tuyển mới	385	380	401	425	318	
3	Học 2 buổi/ngày	1.525	1.490	1.490	1.541	1.498	
4	Bán trú	616	545	558	650	490	

5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	42	41	43	42	42	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	1.517	1.463	1.465	1.538	1.494	
	- Nữ	807	804	809	818	766	
	- Dân tộc thiểu số	19	20	12	22	24	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	79	68	62/19	64/21	72/17	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	01 (Toán IGO)	04 (03 Toán IGO và 01 Vật lý Nipoc)	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	40	20	34	24	24	
	- Nữ	11	17	0	15	14	

	- Dân tộc thiểu số	01	02	0	01	01	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	13	19	
12	Tỷ lệ chuyển cấp lớp 10	312/366	305/364	291/355	274/353	300/355	

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Ghi chú
Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi	56,54	55,85	69,72	63,85	62,15	
Tỉ lệ học sinh xếp loại khá	28,34	28,83	22,88	23,88	24,43	
Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	1,47	1,08	0,20	1,30	1,20	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	98,35	96,84	99,26	98,18	95,99	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	1,59	3,09	0,67	1,75	3,54	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0,07	0,07	0,07	0,06	0,47	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 được thành lập theo Quyết định số 1052/QĐ - UBND ngày 16 tháng 10 năm 2000 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 trên địa bàn Thị trấn Củ Chi và khu vực lân cận. Trường có tổng diện tích 18.445.2m² bao gồm khu vực phòng học, các phòng chức năng, diện tích sân chơi. Trường được xây dựng theo mô hình 1 trệt 2 lầu gồm có 36 phòng học, 20 phòng chức năng và 02 phòng vi tính, các lớp học đều thoáng mát, yên tĩnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập.

Về cơ cấu tổ chức, nhân sự, trường có Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; có 08 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 77 người. Về học sinh, trường hiện có 36 lớp cho 04 khối 6, 7, 8, 9 với tổng số 1.498 học sinh.

Công tác quản lý chất lượng, trong những năm qua luôn là mối quan tâm hàng đầu của lãnh đạo nhà trường và được tổ chức thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả từ cán bộ quản lý đến các tổ chuyên môn. Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng, đủ kế hoạch thời gian năm học và nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện trong thời gian ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học và quản lý cũng được chú trọng và đầu tư thêm các thiết bị dạy học cho các phòng học và phòng có

các bộ thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin. Nhà trường đã tổ chức việc dạy học 2 buổi/ngày cho học sinh khối 6, 7, 8, 9 theo tinh thần công văn số 2848/GDDT-TrH ngày 16/08/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học 2 buổi/ngày tại các trường THCS, THPT trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2019-2020 là “Kế hoạch dạy học phải bám sát, nâng cao chương trình chính khóa, tổ chức các môn theo năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng nhằm phát huy khả năng của học sinh, đảm bảo phát triển năng lực của học sinh; tăng cường các nội dung phát triển các kỹ năng ngoại ngữ, tin học cho học sinh. Thời lượng của hoạt động dạy học không quá một nửa tổng thời lượng buổi 2 theo kế hoạch 2 buổi/ngày để nhà trường có thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh”; “tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục như hoạt động trải nghiệm, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động theo định hướng giáo dục STEM, hoạt động giáo dục hướng nghiệp; giáo dục giá trị sống, kỹ năng thực hành xã hội,...; tăng cường hoạt động câu lạc bộ, các hoạt động phát triển năng khiếu cá nhân, các hoạt động xã hội tại địa phương.”. Từ đó, đã tạo những chuyển biến khá mạnh mẽ trong nhiều năm liền nhà trường luôn có học sinh giỏi cấp huyện, cấp thành phố và các phong trào thể thao cũng đạt được những giải cao trong huyện và thành phố. Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm, nhà trường chủ trương giáo dục đạo đức học sinh thông qua những tấm gương đạo đức, những mẫu chuyện đạo đức Hồ Chí Minh... kết hợp với nội dung cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Cùng với việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục” và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, như: tự học, đi học nâng cao, dự các lớp tập

huấn ngắn ngày, hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn...

Về quản lý tài chính-tài sản, nhà trường thực hiện theo các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Tất cả các nguồn tài chính, tài sản được quản lý, sử dụng một cách hiệu quả, đúng mục đích, theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và công khai trên cơ sở quy chế chi tiêu nội bộ.

Thuận lợi cơ bản của nhà trường là đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Cán bộ quản lý nhà trường có kinh nghiệm và sâu sát trong quản lý, điều hành các hoạt động.

Khó khăn cần giải quyết hiện nay là hệ thống cơ sở vật chất của trường xuống cấp, trang thiết bị dạy học còn thiếu; còn nhiều học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ ít quan tâm đến việc học tập của con. Điều này ảnh hưởng không ít đến chất lượng học tập chung của nhà trường.

2. Mục đích tự đánh giá

Chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng giáo dục phổ thông nói riêng ngày càng được xã hội quan tâm. Đảng, Nhà nước, Ngành Giáo dục và Đào tạo bằng những chủ trương và biện pháp cụ thể đang phấn đấu cho một nền giáo dục có chất lượng tốt, nhằm đạt mục tiêu giáo dục đề ra giai đoạn 2020-2025.

Việc kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường có cái nhìn khái quát về những mặt mạnh, tích cực trong việc quản lý và tổ chức nhà trường, trong việc xem xét, đánh giá chất lượng đội ngũ một cách chân thực, đồng thời cũng giúp cho nhà trường có cơ hội đánh giá một cách hiệu quả việc thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã tiến hành trong nhiều năm qua. Từ đó, giúp cho tập thể sư phạm rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc từ những con số thống kê chất lượng từng mặt hoạt động cụ thể. Tiếp tục đề ra những phương hướng hoạt động phù hợp và biện pháp khắc phục những tồn tại được ghi nhận trong chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn sắp tới.

Quá trình tự đánh giá giúp cho việc xây dựng khối đoàn kết nội bộ trong tập thể sư phạm được thuận lợi hơn. Qua việc kiểm định, việc đánh giá từng tiêu chuẩn, tiêu chí, thống kê các chỉ số, đã giúp cho các bộ phận, các thành viên trong nhà trường hiểu rõ hơn về điểm mạnh, điểm yếu của đơn vị và qua đó còn tạo mối liên thông gắn bó và thông tin hai chiều cho nhau chặt chẽ hơn. Báo cáo kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường được xem là một sản phẩm trí tuệ và tấm lòng của tập thể sư phạm. Thông qua báo cáo, mỗi thành viên của nhà trường đều có dịp được ghi nhận những đóng góp của mình và xem xét lại những hạn chế còn tồn tại để khắc phục.

3. Tóm tắt quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá

Căn cứ vào Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ vào Kế hoạch số 1064/KH-GDDT của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi về hướng dẫn thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi năm học 2022-2023;

Nhà trường thực hiện các bước sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá: ngày 14 tháng 9 năm 2022.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá: ngày 16 tháng 9 năm 2022.
- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng: từ 19 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 10 năm 2022.
- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí: từ ngày 01 tháng 11 đến ngày 03 tháng 11 năm 2022.
- Viết báo cáo tự đánh giá: từ ngày 03 tháng 11 đến ngày 05 tháng 11 năm 2022.
- Công bố báo cáo tự đánh giá: ngày 05 tháng 11 năm 2022.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lí nhà trường

Mở đầu

Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 có bộ máy tổ chức của nhà trường từ cán bộ quản lí đến các tổ chuyên môn đều được bố trí đủ về số lượng, chuẩn về trình độ đào tạo và có đủ năng lực, kinh nghiệm trong việc quản lí điều hành mọi hoạt động trong nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục [H1-1.1-01], định hướng phát triển kinh tế-xã hội của huyện Củ Chi, Thị trấn Củ Chi [H1-1.1-02], tình hình thực tế Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 [H1-1.1-03], nhà trường đã xây dựng kế hoạch “Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030”.

b) Kế hoạch “Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030” đã xây dựng bằng văn bản và được Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi phê duyệt [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

c) Chiến lược phát triển đã được thông báo công khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh của trường thông qua website <http://thcsthitran2.hcm.edu.vn> [H1-1.1-03].

Mức 2:

Trong các cuộc họp cuối học kì hay cuối năm, Hội đồng trường giám sát thực hiện kế hoạch Chiến lược nhà trường và có bổ sung điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế đơn vị [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 3:

Hằng năm, Hội đồng trường thực hiện việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-06].

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển chưa có sự tham gia của học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch Chiến lược phát triển đã được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học sinh qua website <http://thcsthitran2.hcm.edu.vn> và kế hoạch đã được phê duyệt của lãnh đạo.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa nhận được phản hồi và đóng góp của học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, nhà trường thực hiện lấy ý kiến đóng góp xây dựng phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường từ lực lượng học sinh, cha mẹ học sinh thông qua các cuộc họp trực tiếp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có thành lập Hội đồng trường do Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi ra quyết định công nhận [H1-1.2-01]. Ngoài ra có Hội đồng tư vấn như: Hội đồng thi đua, khen thưởng [H1-1.2-02]; Hội đồng chuyên môn [H1-1.2-03]; Hội đồng khoa học thẩm định sáng kiến [H1-1.2-04]; Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-05]; Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở [H1-1.2-06].

b) Các Hội đồng thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng và quyền hạn quy định. Hội đồng trường làm việc theo Điều lệ trường [H1-1.2-07] và quy chế làm việc của Hội đồng Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 [H1-1.2-08];

Hội đồng thi đua nhiệm vụ xét thi đua từng học kỳ và cuối năm [H1-1.2-09]; Hội đồng chuyên môn giúp hiệu trưởng định hướng các hoạt động nhà trường trong từng tháng [H1-1.2-10]; Hội đồng Sáng kiến kinh nghiệm giúp hiệu trưởng thẩm định sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp công tác của các thành viên trong Hội đồng sư phạm [H1-1.2-11]; Hội đồng tuyển sinh thực hiện công tác tuyển sinh đúng quy định [H1-1.2-12]; Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở có nhiệm vụ xét và đề nghị công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở cho những học sinh lớp 9 đủ điều kiện tốt nghiệp [H1-1.2-13]; Hội đồng kỉ luật được thành lập khi có sự việc xảy ra giúp hiệu trưởng xử lý kỉ luật đúng quy định pháp luật [H1-1.2-14].

c) Vào cuối mỗi năm học, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm các hoạt động của các Hội đồng trong nhà trường [H1-1.2-15].

Mức 2:

Các Hội đồng của nhà trường hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giúp nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vì thế Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 [H1-1.2-16].

2. Điểm mạnh

Về cơ cấu tổ chức, nhà trường có đầy đủ các Hội đồng theo quy định của điều lệ nhà trường.

Về hoạt động, các Hội đồng đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và có những đóng góp rất tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Thành viên của các hội đồng trong nhà trường tập trung là các tổ trưởng chuyên môn và các trưởng đoàn thể nên chưa phát huy triệt để khả năng đóng góp của toàn đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Hiệu trưởng căn cứ nhiệm vụ của từng Hội đồng và thực tế công tác để triển khai yêu cầu từng thành viên tham khảo ý kiến của thành viên khác trong tổ trước khi tổ chức các cuộc họp nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của thành viên Hội đồng và tập hợp sức mạnh của cả tập thể.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 có các đoàn thể và các tổ chức, có cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều 9 Điều lệ trường trung học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15 tháng 9 năm 2020 như: Tổ chức Công đoàn với 77 đoàn viên công đoàn trong đó Ban chấp hành gồm 3 đồng chí trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện Củ Chi [H1-1.3-01], có tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gồm 10 đoàn viên giáo viên trực thuộc Thị đoàn Thị trấn Củ Chi [H1-1.3-02], tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh gồm 1498 đội viên trong đó Ban chỉ huy Liên đội gồm 7 đội viên [H1-1.3-03]. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập vào đầu mỗi năm học theo điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22 tháng 11 năm 2011 [H1-1.3-04].

b) Công đoàn Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 hoạt động theo điều lệ và quy định hiện hành của Liên đoàn lao động huyện Củ Chi, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ và công khai của nhà trường, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của đoàn viên công đoàn; động viên, khuyến khích đoàn viên công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng [H1-1.3-05]. Chi đoàn giáo viên Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 hoạt động theo điều lệ và quy định tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, kế hoạch hoạt động tháng; tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng theo quy định, tổ chức Đại hội Chi đoàn theo hướng dẫn của Thị đoàn Thị Trấn; các hoạt động của chi đoàn góp phần tích cực trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-06]. Liên đội hoạt động theo điều lệ đội và quy định của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; có xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch tháng; tổ chức các hoạt động phong trào góp phần giúp học sinh phát triển toàn diện [H1-1.3-07]. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập vào đầu mỗi năm học, tổ chức và hoạt động theo điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, có ý kiến đóng góp tích cực với nhà

trường trong quá trình giáo dục học sinh, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh [H1-1.3-08].

c) Định kì vào cuối năm Chi bộ, Đoàn Thanh niên, Liên đội, Chi hội khuyến học, Hội chữ thập đỏ đều tổng kết đánh giá hoạt động [H1-1.3-09]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

Mức 2:

a) Chi bộ nhà trường có tất cả 45 đảng viên và Chi ủy gồm 5 đồng chí, luôn điều hành tốt hoạt động chi bộ theo quy định được cấp trên đánh giá hằng năm như sau: [H1-1.3-14]

Năm 2018: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2019 : Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2020: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2021: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2022: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Nhà trường có tổ chức Công đoàn, tổ chức Chi đoàn giáo viên, Liên đội tham gia tốt các hoạt động, phong trào của nhà trường [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]. Ngoài ra, Hội chữ thập đỏ, Hội khuyến học đã góp phần trong công tác khuyến học, khuyến tài và tạo điều kiện tốt cho học sinh học tập [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

Mức 3:

a) Chi bộ nhà trường được đánh giá có 01 năm hoàn thành xuất sắc và 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-14].

b) Tổ chức Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội nhà trường đã có hoạt động tích cực trong các hoạt động cộng đồng như: Công đoàn đóng góp hỗ trợ giáo viên vùng sâu vùng xa, giáo viên ngoại thành, hỗ trợ đồng nghiệp bệnh nan y [H1-1.3-15]; Chi đoàn và Liên đội thực hiện hoạt động chăm lo cho mẹ Việt Nam anh hùng. Quyên góp sách, tập trắng, áo cho học sinh miền núi; quyên góp ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng lũ lụt miền Bắc, miền Trung; quyên góp lòng đèn giúp đỡ các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn vui tết Trung

thu; tặng học bổng cho học sinh khó khăn [H1-1.3-16]; [H1-1.3-17], Hội chữ thập đỏ tổ chức tập huấn sơ cấp cứu [H1-1.3-18], vận động hiến máu nhân đạo [H1-1.3-19], thực hiện công tác xã hội nhân đạo [H1-1.3-20],... Tuy nhiên, hoạt động của chi hội khuyến học của nhà trường chỉ hoạt động trong khuôn khổ nhà trường [H1-1.3-21], chưa mở rộng ra ngoài cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Chi bộ đã lãnh đạo đơn vị luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 05 năm liền được Đảng ủy Thị trấn xếp loại từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường và các tổ chức khác phối hợp tốt nên đã đóng góp tích cực trong từng hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Hoạt động của Hội khuyến học của nhà trường chỉ hoạt động trong khuôn khổ nhà trường mà chưa mở rộng ra ngoài nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng nhà trường xây dựng kế hoạch và phối hợp với cha mẹ học sinh để mở rộng ra bên ngoài nhằm vận động tốt nguồn lực cho năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kì rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 là trường hạng I, có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15 tháng 9 năm 2020 [H1-1.4-01].

b) Nhà trường tổ chức bộ máy gồm 08 tổ chuyên môn gồm: tổ Toán - Tin; tổ Ngữ văn; tổ Ngoại ngữ; tổ Khoa học tự nhiên; tổ Khoa học xã hội; tổ Công nghệ - Hoạt động trải nghiệm; tổ Nghệ thuật; tổ Thể dục [H1-1.4-03] và 01 tổ Văn phòng [H1-1.4-04], mỗi tổ đều có một tổ trưởng điều hành hoạt động của tổ [H1-1.4-05].

c) Các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch cho từng tháng, kế hoạch cho từng tuần và sinh hoạt định kì 02 tuần 01 lần [H1-1.4-06]. Tổ Văn phòng có nhiệm vụ quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh; hỗ trợ các hoạt động giảng dạy [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Hằng năm, các tổ chuyên môn có thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, các chuyên đề, thao giảng thể hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục cấp trường [H1-1.4-06].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được rà soát, đánh giá,

điều chỉnh sau mỗi học kì [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09].

Mức 3:

a) Các tổ chuyên môn trong nhà trường đã thực hiện triển khai các chỉ đạo về chuyên môn của Hội đồng chuyên môn từng bộ môn của huyện, chỉ đạo chuyên môn từ cán bộ quản lí nhà trường cho các thành viên trong tổ và triển khai thực hiện [H1-1.4-06], tổ chức dự giờ học hỏi kinh nghiệm giảng dạy lẫn nhau [H1-1.4-10], đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh. Tổ văn phòng thực hiện công việc quản lí học sinh [H1-1.4-11]; [H1-1.4-12], hỗ trợ chuẩn bị tốt đồ dùng dạy học, các thiết bị, dụng cụ thực hành thí nghiệm cho công tác giảng dạy của giáo viên [H1-1.4-13]; [H1-1.4-14]. Tuy nhiên, sinh hoạt tổ chuyên môn còn tổ chức sinh hoạt theo cách thức truyền thống, chưa đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn theo định hướng nghiên cứu bài học thường xuyên.

b) Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn thực hiện chuyên đề bộ môn được sự đóng góp từ các thành viên trong nhóm bộ môn. Chuyên đề bộ môn đã có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-10].

Thực tế tổ chức thực hiện tại đơn vị, vẫn còn tổ chưa đảm bảo chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Các tổ hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ trường trung học. Hoạt động tổ chuyên môn, tổ văn phòng góp phần tích cực vào nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu

Sinh hoạt tổ chuyên môn còn tổ chức sinh hoạt theo cách thức truyền thống, chưa đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn theo định hướng nghiên cứu bài học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Phó hiệu trưởng sắp xếp tham dự và chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo tinh thần đổi mới thông qua nhiều hình thức như chuyên đề, thao giảng và tập trung sinh hoạt theo định hướng nghiên cứu bài học để tập trung vào việc thảo luận nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 có đầy đủ các lớp từ khối 6 đến khối 9 trong cấp học, được chia như sau: 09 lớp 6; 08 lớp 7; 10 lớp 8 và 09 lớp 9 [H1-1.5-01].

b) Trong mỗi lớp học đều có phân công lớp trưởng và lớp phó điều hành hoạt động lớp. Mỗi lớp được tổ chức thành 04 tổ, mỗi tổ có tổ trưởng và tổ phó [H1-1.5-02].

c) Hoạt động của các lớp được điều hành do ban cán sự lớp và hoạt động theo nguyên tắc dân chủ [H1-1.5-02].

Mức 2:

Số lớp học trong nhà trường là 36 lớp. Sĩ số bình quân các năm như sau:

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Sĩ số	42,3	41,3	41,3	41,6	41,6

Sĩ số học sinh/lớp giảm dần qua các năm học: 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022 chỉ còn bình quân 42 học sinh /lớp không lớn hơn sĩ số qui định.

Mức 3:

Trường có 36 lớp học. Sĩ số học sinh quá 40 học sinh/lớp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học. Cơ cấu tổ chức lớp học đúng qui định. Cán sự các lớp hoạt động rất tốt nên hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm thực hiện tốt việc xây dựng lớp tự quản.

3. Điểm yếu

Sĩ số bình quân các năm hơn 40 học sinh/lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tham mưu Hội đồng tuyển sinh huyện phân tuyến để giảm dần số lượng học sinh trong mỗi lớp để đến năm 2025 không còn quá 40 học sinh trong mỗi lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kì tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế

chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ quản lý về hành chính như: hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động [H1-1.6-01]; sổ điểm [H1-1.4-11]; học bạ [H1-1.4-12]; sổ đăng bộ [H1-1.6-02]; sổ quản lý cấp phát bằng [H1-1.6-03]... hồ sơ quản lý tài chính và tài sản [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]. Tất cả hồ sơ được lưu trữ cẩn thận.

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện lập dự toán [H1-1.6-06], thực hiện thu chi [H1-1.6-07], quyết toán [H1-1.6-08], bảng thống kê, báo cáo tài chính, tài sản nhà nước [H1-1.6-09]; [H1-1.6-10] đúng theo qui định.

Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ cập nhật theo điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-11].

c) Về quản lý, sử dụng tài chính nhà trường phục vụ cho công tác dạy và học, sửa chữa cơ sở vật chất [H1-1.6-04], mua sắm trang thiết bị dạy học [H1-1.6-12]. Tài sản nhà trường được sử dụng cho hoạt động giảng dạy và học tập

của học sinh [H1-1.6-05], không cho thuê mượn phòng học hoặc trang thiết bị nhà trường [H1-1.6-04].

Mức 2:

a) Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: hệ thống quản lý cán bộ công chức [H1-1.6-13]; chương trình quản lý nhân sự trực tuyến ePMIS [H1-1.6-14]; phần mềm quản lý học sinh [H1-1.6-15]; phần mềm quản lý tài chính IMAX 10.0 [H1-1.6-16]; phần mềm quản lý tài sản công [H1-1.6-17].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính [H1-1.6-18], tài chính và tài sản [H1-1.6-19].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Tài chính và tài sản của nhà trường được quản lý đúng pháp luật và sử dụng hiệu quả.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin được tập thể sư phạm nhiệt tình ủng hộ nên triển khai có hiệu quả trong quản lý và đặc biệt trong công tác giảng dạy trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Kế toán tham mưu Hiệu trưởng việc xây dựng kế hoạch ngắn hạn và trung hạn thông qua Đề án liên kết sử dụng tài sản công nhằm tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

5 Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02], kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.7-03].
- b) Nhà trường thực hiện phân công đội ngũ hợp lý theo khả năng, rõ ràng phù hợp với trình độ và chức năng nhiệm vụ, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].
- c) Nhà trường thực hiện đầy đủ các quyền cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên như: tất cả thông tin hoạt động nhà trường [H1-1.7-06]; quyền được đào tạo bồi dưỡng [H1-1.7-07]; quyền được đề xuất khen thưởng [H1-1.7-08] hoặc kỷ luật học sinh [H1-1.7-09]; quyền được chăm lo sức khỏe, tinh thần

[H1-1.7-10]; [H1-1.7-11]. Tuy nhiên, còn giáo viên, nhân viên chưa quan tâm đến các quyền và trách nhiệm của bản thân.

Mức 2:

Nhà trường thực hiện tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn như: đề cử cán bộ, giáo viên, công nhân viên tham gia các buổi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức [H1-1.7-07], hỗ trợ kinh phí tham gia học tập [H1-1.7-12], khen thưởng giáo viên khi đạt chứng chỉ nghiệp vụ [H1-1.7-13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ. Thực hiện đầy đủ các quyền cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

3. Điểm yếu:

Vẫn còn giáo viên, nhân viên chưa quan tâm đến các quyền, trách nhiệm của bản thân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng phối hợp cùng công đoàn tuyên truyền sâu rộng các quyền của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục [H1-1.8-01] căn cứ Chỉ thị nhiệm vụ năm học của Ủy ban nhân dân thành phố [H1-1.8-02]; Kế hoạch giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi [H1-1.8-03] và điều kiện cơ sở vật chất [H1-1.8-04], đội ngũ của nhà trường [H1-1.8-05].

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được triển khai và thực hiện đầy đủ như: giảng dạy 2 buổi/ngày [H1-1.8-06]; [H1-1.8-07]; giảng dạy Tiếng Anh với người nước ngoài [H1-1.8-08]; giảng dạy chương trình Tích hợp [H1-1.8-09]; học tập trải nghiệm ngoài nhà trường [H1-1.8-10].

c) Kế hoạch giáo dục nhà trường đã được rà soát, đánh giá sau mỗi học kì [H1-1.5-01]; [H1-1.8-11] và thực hiện điều chỉnh nếu không phù hợp tình hình thực tế.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được lãnh đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi kiểm tra, đánh giá có hiệu quả [H1-1.6-18]; [H1-1.8-12]; [H1-1.8-13]. Nhà trường không tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo và nghiên cứu khoa học đã được triển khai nhưng chưa đi sâu vào thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng cụ thể và phù hợp thực tiễn nên kết quả công tác giáo dục mỗi năm luôn đạt mức cao.

3. Điểm yếu

Các hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học có thực hiện nhưng chưa đi vào chiều sâu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Phó hiệu trưởng phải thống nhất các bộ môn để tham mưu Hiệu trưởng kế hoạch nhằm thực hiện đồng bộ các hoạt động giáo dục trải

nghiệm sáng tạo và hoạt động các câu lạc bộ khoa học, nghiên cứu khoa học ở tất cả các môn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong hoạt động nhà trường, khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế đều được đa số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến. Trong quá trình thảo luận, còn có giáo viên, nhân viên chưa thật sự mạnh dạn đóng góp trong xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được hiệu trưởng giải quyết và xử lý đúng qui định của pháp luật. [H1-1.9-04].

c) Hằng năm, nhà trường có thực hiện báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong Hội nghị công chức Viên chức, người lao động của nhà trường. [H1-1.9-05].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch trong các hoạt động thu, chi, mua sắm, sửa chữa, chế độ, chính sách, đề bạt, bổ nhiệm trong các kì họp Hội đồng sư phạm [H1-1.7-06], thực hiện 3 công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT trên bảng tin nhà trường và trên cổng thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.9-06]; [H1-1.1-06] và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban thanh tra nhân dân, các trưởng đoàn thể của nhà trường thực hiện nhiệm vụ giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-05]; [H1-1.2-10]. Vì thế, mọi hoạt động luôn công khai minh bạch và nhận được sự đồng thuận cao trong tập thể sư phạm nhà trường.

2. Điểm mạnh

Quy chế dân chủ cơ sở được triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc theo quy định. Mọi hoạt động tại đơn vị luôn có sự đồng thuận cao.

3. Điểm yếu

Trong quá trình thảo luận, còn giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp trong xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, khi xây dựng kế hoạch hoạt động của đơn vị, hiệu trưởng chú ý giao việc cụ thể từng thành viên, trước mỗi cuộc họp có cung cấp nội dung và gợi ý để các thành viên tích cực tham gia đóng góp ý kiến.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

a) Nhà trường xây dựng các phương án: phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; phương án phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-02]; phương án phòng chống cháy nổ [H1-1.10-03]; phương án phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-04]; phương án phòng chống bạo lực học đường; phương án an toàn thực phẩm [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

b) Nhà trường có tổ chức hộp thư góp ý đặt gần phòng giám thị [H1-1.10-07], có lịch tiếp dân để tiếp nhận các thông tin phản ánh trực tiếp của người dân [H1-1.10-08]. Trường đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, được cấp trên kiểm tra và công nhận hàng năm về trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích [H1-1.10-09].

c) Trong nhà trường không xảy ra tình trạng kì thị, vi phạm về giới cũng như bạo lực học đường [H1-1.05-01].

Mức 2:

a) Nhà trường tuyên truyền việc an ninh, trật tự trong các buổi sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt chủ nhiệm [H1-1.5-02], đồng thời phối hợp công an Thị trấn Củ Chi trong việc đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường [H1-1.10-10]; tổ chức nhân viên y tế tuyên truyền và thực hiện kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-11]; [H1-1.10-12]; nhà trường thường xuyên kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất nhằm đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích cho học sinh [H1-1.10-09]; nhà trường tuyên truyền an toàn phòng, chống cháy, nổ thông qua bản tin và các quy định [H1-1.10-13]; nhà trường thực hiện tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh theo mùa trên bản tin [H1-1.10-14], và sinh hoạt đầu tuần, qua nhóm lớp [H1-1.10-15]; nhà trường tổ chức các báo cáo chuyên đề giáo dục kỹ năng sống dưới sân với nội dung phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-16]. Tuy nhiên, công tác phối hợp, vận động xã hội hóa trong các hoạt động giáo dục có thực hiện nhưng chưa vươn rộng đến cơ quan đơn vị tại địa phương.

b) Nhà trường tổ chức theo dõi, thu thập các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự báo cáo đến giáo viên chủ nhiệm [H1-1.5-02] và từ đó đề ra các biện pháp ngăn chặn kịp thời [H1-1.7-09]. Tuy nhiên, vẫn tồn tại việc học sinh xích mích, ganh ghét nhau và nói xấu nhau trên mạng xã hội.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Nhà trường không để xảy ra mất an ninh trật tự, cháy nổ.

3. Điểm yếu

Còn tình trạng học sinh lên mạng xã hội gây gổ, xúc phạm nhau nên dẫn đến mâu thuẫn đánh nhau.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ đầu năm học 2022-2023, Hiệu trưởng xây dựng và tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác phối hợp giữa giáo viên giám thị, giáo viên chủ nhiệm lớp với cha mẹ học sinh để tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

Tổ chức các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống cho học sinh như: chuyên đề “Văn hóa ứng xử trong giao tiếp”; “Lợi và hại khi dùng mạng xã hội” để hướng các em hoàn thiện lối sống.

Phối hợp với đơn vị đủ năng lực tổ chức dạy kỹ năng sống theo nội dung chương trình cụ thể cho học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Bộ máy nhà trường được tổ chức đầy đủ và đúng quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Nhà trường chấp hành nghiêm túc mọi chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như mọi chỉ đạo của cấp trên. Thực hiện tốt quy chế dân chủ.

Điểm yếu cơ bản:

Công tác phối hợp, vận động xã hội hóa cho các hoạt động giáo dục có thực hiện nhưng chưa vươn rộng đến cơ quan đơn vị tại địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đầy đủ, đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định. 100% giáo viên có trình độ chuyên môn đạt từ khá trở lên. Đội ngũ nhân viên thạo công việc, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao. Đội ngũ học sinh đáp ứng các yêu cầu của Điều lệ trường trung học.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có thời gian giảng dạy là 24 năm, phó hiệu trưởng thứ nhất có thời gian giảng dạy là 36 năm và phó hiệu trưởng thứ hai có thời gian giảng dạy là 24 năm [H2-2.1-01], tất cả cán bộ quản lý có trình độ Đại học sư phạm [H2-2.1-02]; được bồi dưỡng qua lớp cán bộ quản lý trường trung học cơ sở và trong đó có 02 cán bộ quản lý đã có trình độ thạc sĩ quản lý giáo dục [H2-2.1-03].

b) Tất cả thành viên trong cán bộ quản lý hàng năm đánh giá chuẩn hiệu trưởng và chuẩn phó hiệu trưởng trường trung học cơ sở như sau:

Hàng năm, cán bộ quản lý được đánh giá đạt loại xuất sắc [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được thường xuyên tập huấn bồi dưỡng kiến thức về chính trị [H2-2.1-06], tập huấn chuyên môn [H2-2.1-07]; [H2-2.1-08]; [H2-2.1-09], nghiệp vụ quản lý giáo dục [H2-2.1-10]; [H2-2.1-11]; [H2-2.1-12]. Hiện nay, cán bộ quản lý chưa qua lớp bồi dưỡng chương trình

chuẩn tiếng Anh bậc 2 theo chuẩn châu Âu; việc sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp của cán bộ quản lý còn hạn chế.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá, xuất sắc [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định [H2-2.1-06]; [H2-2.1-13]. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao [H2-2.1-14].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt ở mức khá, xuất sắc [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý đảm bảo các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và có kinh nghiệm trong công tác quản lý và được sự tín nhiệm cao của tập thể sư phạm nhà trường, học sinh, cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Việc sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp của cán bộ quản lý còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng tiếp tục bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ. Phấn đấu năm học 2023-2024 tất cả cán bộ quản lý đều có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo chuẩn châu Âu.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Hàng năm trường có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được thầy cô nghiên cứu và vận dụng vào thực tiễn công tác, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, năm 2021-2022 có 10 đề tài sáng kiến được nghiên cứu và áp dụng [H2-2.2-14].

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 có 67 giáo viên được phân bổ dạy đầy đủ các môn học bắt buộc theo quy định [H1-1.7-04], học sinh được học đầy đủ số tiết của tất cả các môn học theo đúng số tiết quy định trong phân phối chương trình [H2-2.2-01]; Nhóm giáo viên thể dục đảm nhiệm hoạt

động thể dục thể thao [H2-2.2-03]; Nhóm giáo viên nhạc đảm nhiệm hoạt động văn hóa - văn nghệ [H2-2.2-04]; Giáo viên phổ biến pháp luật có nhiệm vụ tuyên truyền phổ biến pháp luật đến học sinh [H2-2.2-05]; [H2-2.2-06].

b) Nhà trường có 67 giáo viên, trong đó có 05 giáo viên có trình độ thạc sĩ, 62 giáo viên có trình độ Đại học [H2-2.2-07].

c) Bảng đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm như sau:

Trong 5 năm kể từ thời điểm đánh giá, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên [H2-2.2-08].

Mức 2:

a) Bảng thống kê trình độ giáo viên trong 05 năm

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Trình độ giáo viên	Thạc sĩ: 02 Đại học: 61 Cao Đẳng: 04	Thạc sĩ: 03 Đại học: 60 Cao Đẳng: 04	Thạc sĩ: 03 Đại học: 60 Cao đẳng: 04	Thạc sĩ: 04 Đại học: 60 Cao đẳng: 03	Thạc sĩ: 05 Đại học: 60 Cao đẳng: 00

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần [H2-2.2-09].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 90% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-10].

c) Trong các hoạt động trải nghiệm, nhà trường thực hiện phân công các giáo viên có khả năng tổ chức [H2-2.2-11], giáo viên chủ nhiệm lớp 9 thực hiện tư vấn hướng nghiệp, định hướng cho học sinh và cha mẹ học sinh có phương hướng lựa chọn sau tốt nghiệp trung học cơ sở [H2-2.2-12]. Tuy nhiên, giáo viên thực hiện công tác hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho học

sinh chưa đạt kết quả cao ở tất cả môn, chỉ mới đạt ở môn Toán, Vật lí. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỉ luật [H2-2.2-13].

Mức 3:

a) Xét bảng tỉ lệ chuẩn nghề nghiệp giáo viên trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá:

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Tỉ lệ đánh giá khá trở lên	100%	100%	100%	100%	100%
Trong đó xuất sắc	97%	100%	100%	100%	100%

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học:

Hàng năm trường có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được thầy cô nghiên cứu và vận dụng vào thực tiễn công tác, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, năm 2021-2022 có 10 đề tài sáng kiến kinh nghiệm được nghiên cứu và áp dụng [H2-2.2-14].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên đầy đủ về số lượng và cơ cấu, có trình độ đào tạo từ đạt chuẩn trở lên. Đội ngũ giáo viên có phẩm chất, đạo đức tốt, có tinh thần đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ nhau cùng tiến bộ trong công tác.

3. Điểm yếu

Giáo viên thực hiện công tác hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho học sinh chưa đạt kết quả ở tất cả môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tạo điều kiện cho 02 giáo viên học các lớp bồi dưỡng kiến thức để tham gia thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Tiếp tục bồi dưỡng cho giáo viên có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lí theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có lực lượng nhân viên 15 người, được phân công như sau: 01 nhân viên kế toán; 01 nhân viên thủ quỹ, văn thư; 01 nhân viên y tế; 01 nhân viên thư viện; 01 nhân viên công nghệ thông tin; 02 nhân viên bảo vệ; 08 nhân viên phục vụ và bảo vệ cổng sau [H1-1.4-04]. Nhân viên phụ trách Thiết bị và thực hành thí nghiệm là giáo viên kiêm nhiệm.

- b) Các nhân viên trong nhà trường được phân công công việc phù hợp với vị trí việc làm và năng lực của nhân viên [H2-2.3-01].

- c) Tất cả các nhân viên phối hợp hoạt động tốt, đảm bảo đầy đủ các hoạt động hành chính trong nhà trường và đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.2-09].

Mức 2:

a) Nhà trường có 07 nhân viên và được cơ cấu theo khung vị trí việc làm theo qui định Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT và có 08 nhân viên thuê ngoài để đảm bảo thực hiện tốt công việc [H2-2.3-01]. Trong đó, có 02 nhân viên phục vụ chưa phải là biên chế mà là hợp đồng thời vụ nên có lúc công tác chưa thật sự ổn định.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỉ luật [H2-2.2-13].

Mức 3:

a) Nhà trường có các nhân viên đáp ứng vị trí việc làm: nhân viên kế toán có bằng đại học kế toán; nhân viên thủ quỹ, văn thư có bằng đại học kế toán và chứng chỉ nghiệp vụ văn thư; nhân viên y tế có bằng y sĩ; 02 nhân viên bảo vệ có chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ do công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp [H2-2.3-02].

b) Hằng năm, các nhân viên được cử tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài chính huyện Củ Chi tổ chức [H2-2.3-03]. Ngoài ra, nhà trường cử các nhân viên tham gia lớp sơ cấp chính trị và lớp bồi dưỡng ngắn hạn nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công tác [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh

Lực lượng nhân viên nhà trường đều qua lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nên tự giác, trách nhiệm trong thực hiện công việc được phân công và luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Còn 02 nhân viên phục vụ chưa phải là biên chế mà là hợp đồng thời vụ nên có lúc công tác chưa thật sự ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện đề cử và tạo điều kiện nhân viên tham gia lớp bồi dưỡng văn thư, thiết bị.

Tiếp tục tham mưu Phòng Nội vụ huyện tuyển 02 nhân viên phục vụ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 thực hiện tuyển sinh theo sự phân tuyến của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, thực hiện nghiêm túc độ tuổi tuyển sinh lớp 6 từ 11 tuổi đến 13 tuổi [H2-2.4-01].

b) Học sinh của nhà trường đã thực hiện các nhiệm vụ của học sinh như: kính trọng thầy cô, nhân viên [H2-2.4-02]; đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập [H1-1.5-02]; thực hiện tốt nội quy nhà trường, qui định pháp luật [H2-2.4-03]; thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường [H2-2.4-04]; tham gia các hoạt động của trường, lớp, tập thể [H2-2.4-05], Đội Thiếu niên Tiền phong [H2-2.4-06]; gìn giữ, bảo vệ môi trường [H2-2.4-07], tài sản nhà trường [H2-2.4-08].

c) Học sinh nhà trường được quyền đảm bảo bình đẳng trong hưởng thụ giáo dục toàn diện [H1-1.8-01], đảm bảo về điều kiện thời gian [H1-1.8-06], cơ sở vật chất [H1-1.8-04], vệ sinh, an toàn tại lớp học [H2-2.4-09].

Học sinh được tôn trọng, bảo vệ, đối xử bình đẳng, dân chủ [H1-1.5-01]; được hưởng chế độ và chính sách đối với gia đình thuộc diện hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định [H2-2.4-10], chính sách gia đình thương bệnh binh [H2-2.4-11], chính sách dân tộc Chăm, Khơ-me [H2-2.4-12].

Mức 2:

Đối với học sinh vi phạm các hành vi không được làm như: nói tục, chửi thề, xả rác, trang phục không đúng quy định,...được phát hiện kịp thời, giáo viên chủ nhiệm lớp thực hiện công tác tư vấn cho học sinh nhận thức hành vi sai trái [H1-1.5-02] và phối hợp với cha mẹ học sinh để cùng điều chỉnh hành vi của học sinh [H1-1.7-09]. Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra tình trạng học sinh vi phạm nề nếp, kỷ luật nhà trường. Trong thời gian học sinh dừng đến trường vì dịch bệnh, học sinh học theo hình thức trực tuyến nên có trường hợp học sinh đã dùng điện thoại vào việc lên mạng xã hội để nói xấu, xúc phạm nhau.

Mức 3:

Số lượng học sinh đạt giải trong học tập cấp huyện và cấp thành phố hằng năm:

	2017-2018		2018-2019		2019-2020		2020-2021		2021-2022	
	Huyện	Thành phố	Huyện	Thành phố	Huyện	Thành phố	Huyện	Thành phố	Huyện	Thành phố
Số lượng	79	22	68	12	62	19	64	21	72	17

Học sinh đạt các giải cao trong các kỳ thi cấp huyện, cấp thành phố là động lực thúc đẩy các hoạt động học tập của lớp và nhà trường [H2-2.4-13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo về độ tuổi, quyền và nhiệm vụ của học sinh.

Thành tích học tập và rèn luyện của học sinh toàn trường luôn đạt rất cao và luôn là đơn vị dẫn đầu của huyện Củ Chi.

3. Điểm yếu

Vì dịch bệnh nên học sinh học theo hình thức trực tuyến vì vậy có trường hợp học sinh đã dùng điện thoại vào việc lên mạng xã hội để nói xấu, xúc phạm nhau.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Nhà trường tiếp tục tăng cường tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, thực hiện nhiều chuyên đề về “Giáo dục kỹ năng sống” với nhiều hình thức phong phú.

Tăng cường nâng cao phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Tăng cường công tác tư vấn cho học sinh về sử dụng điện thoại an toàn và quy tắc ứng xử văn hóa trên không gian mạng xã hội.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường đầy đủ, đạt chuẩn về trình độ và năng lực theo quy định, hằng năm đều thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các quyền và chế độ chính sách theo quy định.

Lực lượng nhân viên đầy đủ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện tốt công việc được phân công.

Học sinh được đảm bảo đầy đủ quyền và được tạo mọi điều kiện học tập để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập.

Điểm yếu cơ bản:

Nhân viên phụ trách Thiết bị và thực hành thí nghiệm là giáo viên kiêm nhiệm nên chưa được chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu:

Nhà trường tọa lạc trên khu đất riêng biệt có tường rào xung quanh. Trường được xây dựng năm 1998 và đưa vào sử dụng năm 2000. Mặc dù đã được tu bổ, sửa chữa nhưng không thể đáp ứng tiêu chuẩn trường học mới văn minh, thân thiện. Trang thiết bị dạy học đạt mức tối thiểu, còn thiếu một số phòng chức năng theo quy định. Nhà trường đã được Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi thông qua kế hoạch sửa chữa lớn trường vào hè năm học 2022-2023.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m^2 /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m^2 /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có trong khuôn viên với diện tích 18.445 m^2 , được trồng nhiều cây xanh, hoa kiểng hợp lý, tạo môi trường xanh, sân trường được láng

xi măng bằng phẳng và được bộ phận phục vụ vệ sinh thường xuyên nên sạch, đẹp và an toàn trong các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]; [H2-2.4-09].

b) Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 được xây dựng trên khuôn viên riêng biệt có tường rào bao quanh; có cổng trường, biển tên trường đúng kích thước quy định [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

c) Trường có 01 sân chơi, bãi tập với diện tích $6.500m^2$ (chiếm 36% tổng diện tích sử dụng của trường) và nhà đa năng đảm bảo cho học sinh vui chơi và tập thể dục [H1-1.2-03] và tổ chức các hoạt động giáo dục: sinh hoạt tại sân trường [H3-3.1-04]; các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống [H3-3.1-05]; các hoạt động lễ, hội [H3-3.1-06]. Tuy nhiên, nhà đa năng thiết kế chưa phù hợp nên các hoạt động trong nhà đa năng chưa thật sự hiệu quả.

Mức 2:

Nhà trường hiện có sân chơi đủ để tổ chức các hoạt động giáo dục, dùng làm sân chơi cho học sinh ngoài giờ học và dùng làm bãi tập cho các giờ thể dục của nhà trường [H3-3.1-01].

Mức 3:

Diện tích sân chơi, bãi tập dành cho học sinh nhà trường trung bình là $12m^2$ /học sinh đáp ứng tốt quy định hiện hành.

2. Điểm mạnh

Khuôn viên, sân chơi, bãi tập có nhiều cây xanh, tạo không gian thoáng, đẹp, phục vụ tốt cho sinh hoạt và học tập.

3. Điểm yếu

Nhà đa năng thiết kế chưa phù hợp nên hoạt động chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường thường xuyên nâng cấp mảng xanh ngày một đa dạng, phong phú, tạo cảnh quan tươi mới cho học sinh học tập và sinh hoạt.

Năm 2022-2023, Hiệu trưởng nhà trường tham mưu cho Ủy ban Nhân dân huyện sửa chữa mở rộng diện tích sân chơi, bãi tập và đã được duyệt kế hoạch sửa chữa lớn bao gồm 36 phòng học và các phòng chức năng, khối phụ;

sơn lại, thay thế hệ thống thoát nước; thay toàn bộ cửa; tay vịn cầu thang, lan-can bằng inox; thay thế toàn bộ hệ thống điện; thay thế trần thạch cao bằng tole lạnh; cải tạo toàn bộ nền bê-tông, xây mới bó vỉa, vỉa hè và bồn hoa; cải tạo và sơn lại toàn bộ hàng rào; cung cấp, lắp đặt toàn bộ rèm cửa, hệ thống phong màn; cải tạo bậc tam cấp, xử lý vết nứt; bổ sung nẹp tường, nẹp sàn; xử lý phòng ngủ học sinh do sụp lún, trong đó có điều chỉnh lại mặt sân nhà đa năng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, Thư viện và phòng Truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng học của nhà trường có đầy đủ thiết bị như: bàn ghế học sinh loại 02 chỗ phù hợp tầm vóc học sinh; bàn ghế giáo viên; bảng viết đúng quy

định; có trang bị thêm hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy; có hệ thống đèn chiếu sáng (10 bóng 1,2m) và hệ thống quạt đảm bảo ánh sáng và thoáng mát [H3-3.2-01]. Số phòng học tương ứng với số lớp học đảm bảo điều kiện thực hiện 02 buổi/ngày.

b) Nhà trường có các phòng học bộ môn như: phòng Tin học; phòng Nghe nhìn; phòng Hóa; phòng Sinh; phòng Lí, phòng Công nghệ, phòng Âm nhạc được trang bị máy chiếu và âm thanh [H3-3.2-02].

c) Nhà trường có 01 phòng Thư viện [H3-3.2-03], 01 phòng dùng chung cho Đoàn-Đội và 01 Phòng truyền thống [H3-3.2-04].

Mức 2:

a) Do nhà trường được xây dựng từ năm 1998 nên các phòng học có diện tích nhỏ, phòng học bộ môn có diện tích trên 80 m² nên cơ bản đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định hiện hành [H3-3.2-01];

b) Nhà trường có khối phục vụ học tập như thư viện [H3-3.2-03], phòng Đoàn-Đội [H3-3.2-04], phòng truyền thống, phòng đồ dùng chuẩn bị giảng dạy đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường [H3-3.2-05]. Tuy nhiên các phòng trên còn nhỏ hẹp chưa đáp ứng theo quy định, còn thiếu phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật.

Mức 3:

Các phòng học của nhà trường chỉ trang bị đủ các thiết bị cơ bản dạy học theo quy định, chưa có đủ máy chiếu [H3-3.2-01]. Phòng học bộ môn: phòng Tin học; phòng Nghe nhìn; phòng Hóa; phòng Sinh; phòng Lí được trang bị máy chiếu và âm thanh [H3-3.2-02]. Nhà trường không có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt, trẻ khuyết tật.

2. Điểm mạnh

Phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập.

3. Điểm yếu

Chưa có phòng sinh hoạt riêng cho học sinh khuyết tật đang học hoà nhập tại trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Hiệu trưởng rà soát sắp xếp, bố trí 01 phòng dùng để cho các hoạt động giáo dục đặc biệt dành cho học sinh khuyết tật học hoà nhập.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;
- c) Định kì sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có các phòng đáp ứng cho công tác hành chính - quản trị: 01 phòng hiệu trưởng; 01 phòng Phó hiệu trưởng; 01 phòng Hội đồng giáo viên; 01 phòng y tế; 01 Phòng giám thị; 01 phòng tài vụ; 01 phòng học vụ; 02 phòng kho và 01 phòng bảo vệ [H3-3.3-01]. Các phòng hành chính được bố trí

cùng một dãy, riêng biệt với khu phòng học tạo thuận lợi trong việc liên hệ công tác.

b) Nhà trường có 04 khu để xe riêng biệt: khu để xe giáo viên có mái che đảm bảo an toàn và khu để xe học sinh trong khuôn viên nhà trường [H3-3.3-02]; [H3-3.3-03].

c) Nhà trường thực hiện thường xuyên bảo trì, sửa chữa các trang thiết bị và trang bị bổ sung các thiết bị cần thiết khi có nhu cầu và hư hỏng [H3-3.3-04]; [H3-3.3-05].

Mức 2:

Khối hành chính-quản trị của nhà trường đáp ứng được yêu cầu hoạt động trong nhà trường [H3-3.3-01]. Trường có tổ chức bán trú cho học sinh với hình thức hợp đồng suất ăn công nghiệp [H3-3.3-06], học sinh được tổ chức ăn tại Khu bán trú [H3-3.3-07] và nghỉ trưa tại trường trong các phòng nghỉ riêng tại tầng trệt, tầng 01, tầng 02 khu bán trú và phòng đa năng [H3-3.3-08] đảm bảo vệ sinh, an toàn cho học sinh. Tuy nhiên, trường chưa có phòng nghỉ trưa cho giáo viên, nên giáo viên còn nghỉ trưa trong phòng y tế và phòng Hội đồng giáo viên.

Mức 3:

Khối hành chính-quản trị được trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng như: máy tính nối mạng có máy in, máy photocopy, điện thoại để bàn, hệ thống tủ đựng hồ sơ, bàn làm việc... được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.3-09].

2. Điểm mạnh

Khu hành chính – quản trị của nhà trường được bố trí tập trung và liên kết tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý, điều hành và sự liên hệ của cha mẹ học sinh được dễ dàng.

3. Điểm yếu

Chưa sắp xếp phòng nghỉ trưa riêng cho giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng rà soát, sắp xếp 01 phòng nghỉ trưa riêng cho giáo viên trong năm học 2022-2023.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 04 khu nhà vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và 08 khu vệ sinh cho học sinh, trong đó mỗi khu nhà vệ sinh đều có riêng cho học sinh nam và học sinh nữ [H3-3.4-01]. Các nhà vệ sinh đều có phân công nhân viên trực vệ sinh thường xuyên nên đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường [H3-3.4-02]. Học sinh khuyết tật hòa nhập của nhà trường ở mức độ nhẹ, không ảnh hưởng đến vận động nên khu vệ sinh học sinh được sử dụng chung cho tất cả học sinh kể cả học sinh khuyết tật hòa nhập [H3-3.4-01]; [H3-3.4-03].

b) Trường có hệ thống thoát nước ngầm đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-04], nhà trường sử dụng hệ thống nước sạch cho sinh hoạt của giáo viên và học sinh [H3-3.4-05], nhà trường cung cấp cho giáo viên và học sinh bán trú sử dụng nước đóng thùng, chai hiệu Vĩnh Hảo [H3-3.4-06]; [H3-3.4-07]; [H3-3.4-08].

c) Nhà trường hợp đồng với công ty Dịch vụ Công ích huyện Củ Chi để thu gom rác sinh hoạt hằng ngày [H3-3.4-09].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh của học sinh được bố trí ở 08 góc của khuôn viên nhà trường đảm bảo thuận tiện cho học sinh sử dụng, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định. Khu vệ sinh của giáo viên được bố trí sát phòng hội đồng tạo thuận tiện cho giáo viên sử dụng [H3-3.4-01]. Số bệ xí dùng cho học sinh nữ là 29,7 (tỷ lệ 30 học sinh/bồn cầu), số bệ xí nam là 31,2 (tỷ lệ 35 học sinh/bồn cầu) đáp ứng yêu cầu qui định. Tuy nhiên, khu nhà vệ sinh nam của giáo viên và nhà vệ sinh học sinh khu vực bán trú có nơi đã xuống cấp.

b) Nhà trường có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế, nhà trường thực hiện thu gom rác từ các phòng học và phòng chức năng vào các thùng rác công nghiệp. Rác được công ty Dịch vụ Công ích thu gom và xử lý hàng ngày [H3-3.4-09].

2. Điểm mạnh

Công trình vệ sinh đảm bảo phục vụ tốt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; có hệ thống nước sạch cho học sinh dùng.

3. Điểm yếu

Nhà vệ sinh nam của giáo viên và nhà vệ sinh học sinh khu vực bán trú có nơi đã xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Theo đề án sửa trường đã được Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi phê duyệt có nội dung Hiệu trưởng tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi xây dựng thêm nhà vệ sinh giáo viên Nam; sửa chữa hệ thống nhà vệ sinh học sinh trong năm học 2022-2023.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lí, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các trang thiết bị cho văn phòng như máy tính nối mạng, máy in, máy photocopy, điện thoại để bàn [H3-3.3-09]. Nhà trường có các thiết bị phục vụ cho hoạt động như: Hệ thống loa phát thanh; hệ thống âm thanh cho lễ hội; chuông và trống để báo giờ [H3-3.5-01].

b) Nhà trường có đầy đủ thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định của Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở (đối với khối 7, 8, 9), Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6 [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03]. Hằng năm, giáo viên nhà trường đều có thực hiện tự làm đồ dùng dạy học nhưng việc làm này còn theo phong trào và chưa thật sự phong phú [H3-3.5-04].

c) Tất cả các thiết bị văn phòng và thiết bị dạy học đều được thực hiện kiểm kê hằng năm vào cuối năm dương lịch [H3-3.5-05]; [H3-3.5-06]. Các thiết bị chưa đạt yêu cầu đều được sửa chữa kịp thời để phục vụ cho hoạt động của nhà trường [H3-3.3-04].

Mức 2:

a) Nhà trường có hệ thống máy tính gồm 17 máy được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý và 60 máy tính nối mạng Internet phục vụ hoạt động dạy học [H3-3.5-05]; [H3-3.5-06].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo danh mục đồ dùng dạy học tối thiểu khối 7, 8, 9 và đã đăng ký mua đồ dùng dạy học khối 6 [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, thiết bị dạy học được mua sắm bổ sung [H1-1.6-12]; [H3-3.5-07] và giáo viên thực hiện làm đồ dùng dạy học [H3-3.5-04]. Đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên chưa được phong phú.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm, phòng chức năng của nhà trường gồm: Lý, Hóa, Sinh; Công nghệ, đủ thiết bị đảm bảo các tiết thực hành thí nghiệm theo qui định của từng bộ môn [H1-1.4-14]. Các thiết bị, đồ dùng dạy học; thiết bị dạy học tự làm được giáo viên thường xuyên sử dụng đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-08]; [H3-3.5-09].

2. Điểm mạnh

Các thiết bị của nhà trường đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu tối thiểu được quy định và luôn được khai thác rất hiệu quả trong quản lý và trong công tác giảng dạy.

Thiết bị, đồ dùng dạy học luôn được hiệu trưởng quan tâm tổ chức bổ sung hằng năm.

3. Điểm yếu

Đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên thực hiện chưa được phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023, nhà trường xây dựng kế hoạch Hội thi đồ dùng dạy học tự làm và đưa vào nội dung thi đua khen thưởng việc tự làm và sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả để kịp thời khen thưởng động viên và nhân rộng mô hình.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt

động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện nhà trường đã trang bị sách, báo, tạp chí, sách giáo khoa và các sách tham khảo, theo yêu cầu tối thiểu phục vụ các hoạt động dạy học và nghiên cứu của nhà trường [H3-3.6-01]. Ngoài ra, thư viện còn được trang bị thêm 01 máy tính nối mạng phục vụ cho học sinh và giáo viên tra cứu thông tin [H3-3.6-02].

b) Thư viện nhà trường có xây dựng lịch đọc sách cho học sinh [H3-3.6-03] và thực hiện công tác cho giáo viên, học sinh mượn sách để nghiên cứu và tham khảo [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05]. Tuy nhiên, việc giáo viên và học sinh tham gia đọc sách tại thư viện còn ít.

c) Hằng năm thư viện nhà trường thực hiện kiểm kê [H3-3.6-06] và lên kế hoạch mua sắm, bổ sung các loại sách, báo phục vụ công tác giảng dạy, học tập và các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-07]; [H3-3.6-08].

Mức 2:

Từ năm học 2017-2018 đến nay thư viện nhà trường được công nhận thư viện trường học xuất sắc [H3-3.6-09].

Mức 3:

Từ năm học 2017-2018 đến nay, thư viện nhà trường được công nhận thư viện trường học Tiên tiến, Xuất sắc [H3-3.6-09]. Thư viện có 02 máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-02].

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường đã trang bị đầy đủ sách báo và máy tính nối mạng, tổ chức hoạt động tốt và từ năm 2017 đến 2022 luôn được công nhận là thư viện tiên tiến, xuất sắc.

3. Điểm yếu

Giáo viên và học sinh tham gia đọc sách tại thư viện còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2022-2023, cán bộ thư viện tham mưu hiệu trưởng nội dung thi đua về tặng sách và tham gia đọc sách tại thư viện.

Nhân viên thư viện tăng cường việc tham mưu bổ sung sách mới và kịp thời giới thiệu đến giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật: Khu hành chính nhà trường bố trí tập trung liền kề thuận lợi trong việc quản lý, điều hành. Trang thiết bị của khối văn phòng đầy đủ phục vụ tốt cho công việc quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy học cho giáo viên rất hiệu quả. Hoạt động thư viện được cấp trên đánh giá tốt.

Điểm yếu cơ bản:

Công trình nhà vệ sinh khu bán trú và một số nơi có dấu hiệu xuống cấp.

Việc đọc sách của giáo viên và học sinh còn hạn chế.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa ba môi trường: nhà trường, gia đình và xã hội đã được củng cố và tăng cường nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện. Ban đại diện Cha mẹ học sinh luôn gắn bó và hỗ trợ nhà trường có hiệu quả trong mọi hoạt động. Đảng ủy và chính quyền cùng các ban ngành đoàn thể luôn quan tâm sâu sát và tạo mọi điều kiện để nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục tại địa phương.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, trong buổi họp cha mẹ học sinh đầu năm đã bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh trường [H4-4.1-01] và Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng Điều lệ cha mẹ học sinh ban hành kèm thông tư 55/2015/TT-BGDĐT [H4-4.1-02];

b) Đại hội cha mẹ học sinh đầu năm học đã đề ra phương hướng kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-03].

c) Phương hướng kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh đã thực hiện theo đúng tiến độ đề ra [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục phổ biến các hoạt động giáo dục của nhà trường, chủ trương chính sách về giáo dục trong năm học đến cha mẹ học sinh [H4-4.1-03]. Từ đó, cha mẹ học sinh có biện pháp nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục con em [H4-4.1-05], [H4-4.1-06]. Tuy

vậy, vẫn còn trường hợp cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến công tác phối hợp với nhà trường để giáo dục các em, nhất là cha mẹ học sinh của các em chưa ngoan.

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức hoạt động phong trào, hội thi [H4-4.1-04]; khen thưởng cho học sinh có thành tích trong học tập và phong trào [H4-4.1-04]; tư vấn cho nhà trường trong hoạt động giáo dục học sinh [H4-4.1-03]... Tuy nhiên, Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa phối hợp với tổ chức xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tạo mối quan hệ mật thiết với cha mẹ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh thể hiện tốt vai trò nhiệm vụ nên góp phần giúp nhà trường thực hiện tốt hội hóa giáo dục và nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Vẫn còn trường hợp cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến công tác phối hợp với nhà trường để giáo dục các em, nhất là cha mẹ học sinh của các em chưa ngoan.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm và kể cả Ban đại diện cha mẹ học sinh đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền để tất cả phụ huynh đều thực hiện tốt công tác phối hợp giáo dục học sinh.

Nhà trường trang bị văn bản pháp luật về hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh giúp cho Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng pháp luật. Thực hiện phối hợp, huy động các nguồn lực từ các mạnh thường quân trong việc chăm lo cho con em.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;
- b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

- a) Nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị đã tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Phòng Giáo dục và Đào tạo trong việc xây dựng kế hoạch tuyển sinh [H4-4.2-01], kế hoạch tuyển dụng giáo viên, công nhân viên [H4-4.2-02], nhu cầu sửa chữa cơ sở vật chất [H4-4.2-03]. Đặc biệt,

phương án sửa chữa, cải tạo đã được Ủy ban nhân dân huyện thông qua thực hiện khi thành phố cấp vốn [H4-4.2-04].

b) Nhà trường thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của Cha mẹ học sinh về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh toàn trường [H4-4.1-05].

c) Nhà trường thực hiện huy động các nguồn lực tự nguyện từ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.2-05], mạnh thường quân [H4-4.2-06] để thực hiện khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc [H4-4.2-07], thực hiện trao tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.2-08].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc sửa chữa, cải tạo sân trường tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H4-4.2-04].

b) Thực hiện phối hợp Thị đoàn Thị trấn Củ Chi để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao [H4-4.2-09]; tổ chức cho học sinh chăm sóc đền liệt sĩ tại Khu phố 3 [H4-4.2-10], tham quan công trình văn hóa [H4-4.2-11]; thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ [H4-4.2-12], chăm sóc gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H4-4.2-13].

Mức 3:

Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 đã tuyên truyền, tổ chức cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên thực hiện tốt các tiêu chí thi đua trường học có đời sống văn hóa tốt. Hằng năm, đã được Đoàn kiểm tra của huyện đánh giá và công nhận trường học có đời sống văn hóa tốt [H4-4.2-14]. Tuy nhiên, việc tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân xây

dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt kết quả cao.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện phối hợp tốt với chính quyền, các tổ chức đoàn thể tại địa phương trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục nhà trường.

Công tác tham mưu các cấp lãnh đạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025.

3. Điểm yếu

Việc tham mưu các cấp lãnh đạo trong việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa thật sự tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ, giáo viên, công nhân viên thực hiện tốt các tiêu chí thi đua trường học có đời sống văn hóa tốt.

Hiệu trưởng tích cực tham mưu chính quyền địa phương trong việc xây dựng và thực hiện các tiêu chí văn hóa tại đơn vị.

Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với chính quyền địa phương việc đánh giá và tổ chức bổ sung, kí kết các quy chế phối hợp theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường đã thực hiện tốt việc tuyên truyền, vận động, huy động được các nguồn lực phục vụ cho hoạt động giáo dục. Thành lập được Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường nhiệt tình, tích cực, am hiểu về giáo dục, hoạt động đúng chức năng, sáng tạo, hoạt động có hiệu quả theo các quy định hiện hành. Bên cạnh đó việc thiết lập quan hệ tốt với chính quyền địa phương cũng tạo rất nhiều thuận lợi trong việc ổn định an ninh chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn trường học, góp phần ngăn chặn tệ nạn xâm nhập học đường.

Điểm yếu cơ bản:

Công tác tham mưu xây dựng nhà trường thành trung tâm văn hóa, giáo dục tại địa phương chưa đạt kết quả cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**Mở đầu:**

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông với đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục của địa phương. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu, kém cũng được quan tâm đúng mức. Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: tỉ lệ lên lớp thẳng, tỉ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hàng năm đều tăng; học sinh giỏi các môn mỗi năm đều có.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông**Mức 1:**

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường [H5-5.1-01] tổ chức thực hiện giảng dạy đúng, đủ các môn học theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT (khối lớp 7,8,9) [H5-5.1-02] và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGD-ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ giáo dục Đào tạo (Khối 6) [H5-5.1-03], tổ chức các hoạt động giáo dục như: hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp [H2-2.2-02]; hoạt động giáo dục kỹ năng sống [H5-5.1-02]; hoạt động văn hóa-văn nghệ [H2-2.2-04]; hoạt động thể dục thể thao [H2-2.2-03]; hoạt động trải nghiệm [H1-1.8-09].

b) Giáo viên của nhà trường đã thực hiện các phương pháp dạy học tích cực: phương pháp bàn tay nặn bột, dạy học theo dự án và sử dụng các kỹ thuật: kỹ thuật khăn trải bàn; kỹ thuật sơ đồ tư duy [H5-5.1-04]. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực còn tập trung trong các tiết thao giảng, chuyên đề chưa được áp dụng thường xuyên trong các tiết dạy hàng ngày.

Giáo viên cũng thực hiện hướng dẫn tự học cho học sinh qua nhiều hình thức như tìm kiếm thông tin, hình ảnh trên mạng internet [H5-5.1-05], qua việc thực hiện các chuyên đề bộ môn [H5-5.1-04], hoạt động STEM xe thể năng [H5-5.1-06]... Từ đó, giáo viên hình thành cho học sinh khả năng làm việc theo nhóm, giúp học sinh rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

c) Nhà trường tổ chức đa dạng các hình thức kiểm tra như: kiểm tra hỏi-đáp; kiểm tra tự luận; kiểm tra thực hành; kiểm tra trắc nghiệm [H5-5.1-07]. Nội dung, mức độ kiến thức, kỹ năng của từng bộ môn kiểm tra đều được thống nhất trong tổ, nhóm chuyên môn [H1-1.4-06]. Các hình thức kiểm tra nêu trên đánh giá được năng lực học tập của các đối tượng học sinh [H5-5.1-08].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện giảng dạy đúng chương trình của Bộ Giáo dục-Đào tạo quy định [H5-5.1-01], thực hiện đúng kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh [H5-5.1-09], kế hoạch giáo dục từng môn học theo quy định [H5-5.1-10]. Ngoài những nội dung giáo dục chính khóa, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục với các nội dung giáo dục của nhà trường như: giảng dạy tiếng Anh với người nước ngoài [H5-5.1-11], chương trình Tăng cường tiếng Anh [H5-5.1-12], chương trình Tích hợp Anh-Việt Nam [H5-5.1-13], giảng dạy môn học kỹ năng sống [H5-5.1-14] phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

b) Vào cuối học kì 2 của mỗi năm học, nhà trường thực hiện việc tuyển chọn những học sinh có năng khiếu về các bộ môn để tổ chức dạy bồi dưỡng tạo nguồn dự thi cấp huyện và cấp thành phố [H5-5.1-15]. Đồng thời, ngay từ đầu năm học, nhà trường rà soát để phát hiện những học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện và có biện pháp giúp đỡ, phụ đạo phù hợp, kịp thời để học sinh vươn lên trong học tập [H5-5.1-16].

Mức 3:

Hằng năm, các tổ bộ môn thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá kết quả đạt được của từng bộ môn. Qua đó, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp của các hoạt động giáo dục để nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường thực hiện giảng dạy đúng theo quy định, đa dạng loại hình, phù hợp với thực tế của trường. Việc kiểm tra đánh giá học sinh được tổ chức thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú, khách quan và đánh giá đúng năng lực của học sinh.

3. Điểm yếu

Việc áp dụng các phương pháp mới và kỹ thuật giảng dạy tích cực chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phó hiệu trưởng thực hiện chỉ đạo các tổ bộ môn xây dựng nội dung áp dụng các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy tích cực vào các bài giảng cụ thể từng học kì từ năm học 2022-2023.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

a) Nhà trường có các biện pháp chăm lo, giúp đỡ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H5-5.2-01]; kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi [H5-5.1-15]; kế hoạch phụ đạo cho học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-16].

b) Hằng năm, nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém ở các bộ môn [H5-5.2-02]. Bên cạnh đó, nhà trường cũng tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ trong thời gian hè [H5-5.2-03]; [H5-5.1-15].

Bảng thống kê học sinh gặp khó khăn:

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng	78	92	44	56	47

Ngay từ đầu năm, nhà trường thực hiện việc lập danh sách học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, thực hiện bàn giao cho giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn [H3-3.3-04]. Nhà trường chỉ đạo thực hiện kế hoạch giảng dạy riêng cho học sinh hòa nhập về khối lượng kiến thức phù hợp; kiểm tra đề riêng theo khả năng của học sinh và mức độ khuyết tật được xác định; quan tâm, theo dõi sự tiến bộ của học sinh, hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời và phù hợp cho học sinh trong quá trình học [H5-5.2-04].

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập

và rèn luyện qua đó kịp thời xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh yếu kém ngay trong hè [H1-1.4-06].

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện việc chăm lo đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn và tổ chức giáo dục học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo kế hoạch và đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1- 5.1-01]. Tỷ lệ học sinh yếu kém cuối năm học giảm đáng kể nhưng vẫn còn dù đã tập trung phụ đạo [H1 1.5-01].

Mức 3:

Hằng năm, nhiều học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật của trường tham gia tốt các hội thi do Huyện, Thành phố, Quốc gia công nhận và các giải quốc tế tổ chức tại Việt Nam [H5-5.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện việc chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện phù hợp và hiệu quả.

Học sinh có năng khiếu của nhà trường đã đạt giải cao cấp huyện, thành phố, quốc gia và các giải quốc tế tổ chức tại Việt Nam.

3. Điểm yếu

Công tác phụ đạo học sinh yếu của nhà trường còn chưa hiệu quả do học sinh vắng nhiều, phụ huynh thiếu quan tâm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phó hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo giáo viên bộ môn cần quan tâm sâu sát đối và giúp đỡ học sinh ngay trong mỗi giờ học; các tổ bộ môn có kế hoạch giảng dạy, phụ đạo phù hợp với từng lớp; giáo viên giám thị quản lý và

phối hợp chặt chẽ hơn với giáo viên chủ nhiệm lớp trong việc quản lý đối với học sinh tham gia học phụ đạo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn li luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch giáo dục địa phương với nội dung: thực hiện lồng ghép tích hợp vào các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Âm nhạc, Mỹ thuật [H5-5.3-01], thực hiện đầy đủ các chủ đề nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình quy định đối với khối lớp 6 [H5-5.3-02]; tổ chức cho học sinh tham quan Nhà Truyền thống huyện Củ Chi, Đền Gia Định, Đền Bến Dược-Củ Chi; Địa đạo-Củ Chi [H4-4.2-06]; tổ chức cho học sinh chăm sóc đền Liệt sĩ tại Khu phố 3, Thị trấn Củ Chi [H4-4.2-05].

b) Trong nội dung các đề kiểm tra thường xuyên và định kì môn Lịch sử có lồng ghép nội dung về giáo dục địa phương [H5-5.3-03].

c) Hằng năm trường đều chỉ đạo thực hiện bổ sung các tư liệu về giáo dục địa phương trong kế hoạch bài dạy các môn học, ở các môn học phù hợp [H5-5.3-04].

Mức 2:

Nhà trường triển khai và thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lí luận với thực tiễn qua các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Âm nhạc, Mĩ thuật và Chương trình nội dung giáo dục địa phương cho khối 6 [H5-5.3-01]. Bên cạnh đó, nhà trường cũng tổ chức thực hiện tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề cụ thể như “Uống nước nhớ nguồn”, “Mừng Đảng, mừng xuân”, “Tiến bước lên Đoàn” [H5-5.3-05] để thực hiện các nội dung giáo dục phù hợp, tổ chức cho học sinh tham quan, trải nghiệm các di tích lịch sử: Nhà Truyền thống huyện Củ Chi, Đền Gia Định, Đền Bến Dược-Củ Chi; Địa đạo-Củ Chi [H4-4.2-05]. Tuy nhiên, thực tế tại đơn vị còn tồn tại việc giáo viên chưa thực hiện thường xuyên nội dung chương trình giáo dục địa phương vào các bài dạy cụ thể, tư liệu về nội dung giáo dục địa phương còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện nội dung giáo dục địa phương bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Tổ chức nhiều hoạt động học tập, tham quan, chăm sóc di tích lịch sử phù hợp với điều kiện của nhà trường nhằm gắn nội dung giáo dục với thực tiễn.

3. Điểm yếu

Tài liệu giáo dục địa phương của giáo viên chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường thực hiện chỉ đạo cho giáo viên các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Âm nhạc, Mĩ thuật nghiên cứu, sưu tầm thêm các tư liệu về địa phương phù hợp với bài dạy.

Tổ chức các chuyên đề, hội thi tìm hiểu các di tích lịch sử của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kì rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp tình hình thực tế [H1-1.8-09], kế hoạch giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 [H5-5.4-01], kế hoạch dạy nghề phổ thông cho học sinh lớp 8 [H5-5.4-02]; tổ chức giảng dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chương trình cho học sinh khối 6 [H5-5.4-03]. Ngoài ra, nội dung hướng nghiệp còn được lồng ghép trong chương trình các môn học một cách phù hợp.

b) Nhà trường căn cứ vào kế hoạch trải nghiệm cho học sinh đăng kí tham gia và phối hợp cùng với các đơn vị đủ năng lực tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh [H5-5.4-04]. Thực hiện giảng dạy đầy đủ 09 chủ đề hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 [H5-5.4-01], đồng thời, tổ chức cho học sinh lớp 8 đăng ký tham gia các lớp dạy nghề phổ thông sở thích và điều kiện tổ chức của nhà trường [H5-5.4-05]. Ngoài ra, nhà trường thực hiện phối hợp với các trường Trung cấp nghề trên địa bàn thành phố tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 [H5-5.4-06].

c) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường đều có phân công lực lượng giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn, Đoàn Thanh niên tham gia [H5-5.4-07].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện tổ chức được các hoạt động hướng nghiệp với các hình thức phong phú, phù hợp học sinh [H1-1.5-01]. Tuy nhiên, việc tổ chức hoạt động tham quan, trải nghiệm chưa đạt kết quả như mong muốn vì số lượng học sinh tham gia vào khoảng 70% số lượng toàn trường, do hạn chế về điều kiện tài chính của cha mẹ học sinh [H5-5.4-04].

b) Công tác rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chưa thực hiện đầy đủ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm cho học sinh, thực hiện phối hợp Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi dạy nghề học sinh lớp 8 và phối hợp với các trường Trung cấp nghề Củ Chi, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện, trường Trung cấp Bách khoa Sài Gòn tư vấn phân luồng sau tốt nghiệp trung học cơ sở cho học sinh lớp 9 hiệu quả.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm cùng nhà trường chưa cao do điều kiện hoàn cảnh gia đình; việc rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chưa thực hiện đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường thực hiện xây dựng hoạt động trải nghiệm luân phiên cho các khối lớp với các địa điểm xa và gần khác nhau với kinh phí phù hợp để các đối tượng học sinh cùng có cơ hội tham gia; tổ chức các hoạt động tham quan kết hợp hoạt động trải nghiệm; vận động từ cha mẹ học sinh và các bạn cùng

hỗ trợ một phần kinh phí tạo điều kiện cho tất cả học sinh đều được tham gia hoạt động giáo dục trải nghiệm.

Định kì hằng năm tổ chức công tác rà soát đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để phương hướng hoạt động tốt hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kĩ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kĩ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kĩ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục kĩ năng sống cho học sinh phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương [H5-5.1-14]; tổ chức giảng dạy hoạt động trải nghiệm, hướng

nghiệp theo chương trình cho học sinh khối 6 [H5-5.4-03].

b) Nhà trường tổ chức nhiều chuyên đề về giáo dục kỹ năng sống dưới sân cho học sinh như: giáo dục về Pháp luật [H5-5.5-01]; giáo dục an toàn giao thông [H5-5.5-02]; giáo dục về phòng chống dịch bệnh [H5-5.5-03]; giáo dục giới tính [H5-5.5-04]; giáo dục về phòng chống HIV/AIDS [H5-5.5-05]; giáo dục về tác hại nghiện game, mạng xã hội [H5-5.5-06];... Ngoài ra, nhà trường thực hiện hợp đồng với công ty Giáo dục kỹ năng sống GAIA thực hiện giảng dạy kỹ năng sống cho học sinh khối 6, 7 [H5-5.1-14]. Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục được thể hiện thông qua đánh giá xếp loại hạnh kiểm của từng năm học [H1-2.8-02].

c) Lối sống của học sinh trong nhà trường được hình thành, thể hiện qua chấp hành tốt nội quy nhà trường, lễ phép với thầy cô được ghi nhận qua tổng kết điểm thi đua hàng tuần [H2-2.4-03], ý thức chấp hành luật giao thông của học sinh được nâng lên, hành vi ứng xử của học sinh với nhau có văn hóa phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H5-5.5-07].

Mức 2:

a) Nhà trường xây dựng cho học sinh thói quen sống hợp tác, tôn trọng và bảo vệ môi trường thông qua học tập, lao động tại trường và ở gia đình [H1-1.5-02]. Trong nhà trường có xây dựng các nội quy học sinh, quy định nhà trường giúp học sinh có ứng xử văn minh [H1-1.5-02]. Thông qua các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống giúp các em có kỹ năng nhận biết và phòng ngừa bạo lực, các tệ nạn xã hội, các tai nạn thương tích ...[H1-1.8-12].

b) Thông qua các bài học giáo dục kỹ năng sống từng bước hình thành cho các em học sinh kiến thức có khả năng áp dụng vào thực tiễn cuộc sống như: với kiến thức phòng chống dịch bệnh giúp nhà trường không để xảy ra bùng phát dịch bệnh trong mùa cao điểm [H5-5.5-08]; ý thức chấp hành luật giao thông ngày càng tốt hơn [H5-5.5-02]; học sinh tự hiểu rõ bản thân, có ý thức tự chăm sóc và bảo vệ bản thân tốt hơn [H5-5.5-04].

Mức 3:

Trong quá trình giảng dạy, có những nội dung bài học liên quan với thực tế cuộc sống, thầy cô đã gợi ý cho học sinh nghiên cứu thực hiện chế tạo các mô hình áp dụng trong thực tế: nghiên cứu sưu tầm tranh ảnh theo chủ đề trong bộ môn Ngữ văn, sáng tạo các nhân vật cổ tích trong môn Mĩ thuật, ứng dụng của bài học áp suất chất lỏng, chế tạo xe thể năng,... [H5-5.5-09]. Bước đầu, cho học sinh làm quen với nghiên cứu khoa học qua các bài học mang tính thực tế và hoạt động thực hành, thí nghiệm trong nhà trường [H5-5.5-10]. Tuy nhiên, nhà trường chưa thực hiện hướng dẫn cho học sinh nghiên cứu khoa học trên nhiều lĩnh vực khác nhau như: xã hội, môi trường, công nghệ..., để giúp các em có sân chơi lành mạnh trong học tập và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch định hướng phát triển kỹ năng sống cho học sinh hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế tại trường.

Hành vi ứng xử của học sinh có chuyển biến tích cực phù hợp truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

3. Điểm yếu

Học sinh chưa được hướng dẫn và tham gia nghiên cứu khoa học trên nhiều lĩnh vực khác nhau như: xã hội, môi trường, công nghệ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo các nhóm bộ môn thực hiện xây dựng kế hoạch và kế toán tham mưu dự toán nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động.

Thực hiện tổ chức câu lạc bộ “Em yêu khoa học” tạo sân chơi cho học sinh, huy động các em học sinh có sở thích tìm tòi, nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối

với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh hằng năm đều đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.8-01]; [H2-2.4-02]; [H2-2.4-04].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp hằng năm đều đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

c) Nhà trường đã thực hiện đạt yêu cầu về định hướng phân luồng cho học sinh cuối cấp vào lớp 10 công lập trên 80%, số lượng học sinh còn lại phân luồng vào lớp 10 dân lập, tư thục, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và các trường Trung cấp nghề [H5-5.6-03].

Mức 2:

a) Kết quả tỷ lệ học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Hạnh kiểm (khá -tốt)	99,9%	99,9%	99,9%	99,9%	99,5%
Học lực (khá-giỏi)	84,9%	84,7%	92,6%	87,7%	86,6%

b. Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp hằng năm có chuyển biến tích cực như sau:

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019 -2020	2020-2021	2021-2022
Tỷ lệ lên lớp	98,53%	99,66%	99,86%	99,80%	99,60%
Tỷ lệ tốt nghiệp	99,46%	99,73%	100%	100%	100%

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh 5 năm:

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019 -2020	2020-2021	2021-2022
Tỷ lệ học sinh	56,54%	55,85%	69,72%	63,85%	62,15%

giỏi					
Tỉ lệ học sinh khá	28,34%	28,83%	22,88%	23,88%	24,43%
Tỉ lệ học sinh yếu, kém	1,47%	1,08%	0,20%	1,30%	1,20%

- Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường hằng năm đều đạt trên 10%.
- Tỉ lệ học sinh xếp loại khá của trường hằng năm đều đạt trên 35%.
- Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thấp hơn 5%.

b) Tỉ lệ học sinh bỏ học và lưu ban 5 năm:

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Tỉ lệ bỏ học	0,52%	0,07%	0,46%	0,50%	0,27%
Tỉ lệ lưu ban	1,65%	0,34%	0,14%	0,07%	0,40%

Tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban luôn thấp hơn chỉ tiêu cho phép.

2. Điểm mạnh

Kết quả giáo dục của nhà trường đều đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra. Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tư vấn, phân luồng cho học sinh lớp 9 sau tốt nghiệp.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ học sinh yếu, kém còn khá cao (trên 01%) so với kế hoạch giáo dục của nhà trường đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lí và giáo viên chủ nhiệm tăng cường công tác phối hợp với cha mẹ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, tìm hiểu hoàn cảnh để động viên giúp đỡ học sinh kịp thời hơn nữa.

Nâng cao hiệu quả công tác phụ đạo học sinh yếu kém: thông qua nắm bắt tình hình học tập của từng lớp; tổ chức lớp phụ đạo; ngoài việc dạy phụ đạo tập trung theo thời khóa biểu, nhà trường chỉ đạo giáo viên bộ môn dạy theo hình thức cá nhân phù hợp với tình hình lớp và cá nhân học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Hoạt động dạy và học của nhà trường được thực hiện có nền nếp, đảm bảo nội dung chương trình và kế hoạch thời gian năm học theo quy định. Việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá được thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của ngành. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và ý thức vệ sinh môi trường được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả. Kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực hằng năm của học sinh đáp ứng mục tiêu giáo dục. Kết quả giáo dục mũi nhọn, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu bộ môn của nhà trường hiệu quả: nhiều giải thưởng ở các cấp và phân bố đều ở các bộ môn.

Điểm yếu cơ bản:

Tài liệu về giáo dục địa phương chưa phong phú, đa dạng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 được hoàn thành phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đề ra chiến lược phát triển, xác định tầm nhìn, đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động của nhà trường. Quá trình tiến hành việc tự đánh giá, giúp cho việc xây dựng khối đoàn kết nội bộ trong tập thể sư phạm được thuận lợi hơn. Trong việc kiểm định từng tiêu chuẩn, xác minh từng tiêu chí, thống kê các chỉ số, đã giúp cho các bộ phận, các thành viên trong nhà trường tạo ra mối liên thông gắn bó và thông tin hai chiều cho nhau trở nên chặt chẽ hơn. Qua đó, đánh giá chất lượng đội ngũ giáo viên, thực hiện các chương

trình hoạt động giáo dục và công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh.

Đối chiếu với kết quả của các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 tự đánh giá mức độ chất lượng giáo dục mà trường đạt được như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 28/28, tỉ lệ: 100 %.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 0/28, tỉ lệ 0 %.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 28/28, tỉ lệ: 100 %.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 0/28, tỉ lệ: 0 %.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 12/20, tỉ lệ: 60 %.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 8/20, tỉ lệ: 40 %.
- Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2: Mức 2.
- Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và chuẩn quốc gia Mức độ 1./.

Củ Chi, ngày 07 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hiếu

PHẦN IV. PHỤ LỤC
Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
1.1	1	[H1-1.1-01]	Luật giáo dục 2019	Luật số 43/2019/QH14	Quốc hội	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thị trấn Củ Chi lần thứ XIII, nhiệm kì 2015-2020 Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thị trấn Củ Chi lần thứ XIV, nhiệm kì 2020-2025	- Số 01-NQ/ĐU ngày 29/05/2015. - Số 01-NQ/ĐU ngày 15/05/2020.	Đảng uỷ Thị trấn Củ Chi	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Sổ họp, nghị quyết của hội đồng trường	Biên bản họp Hội đồng trường	Chủ tịch Hội đồng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.	Số 239/KH-THCSTT2 ngày 04/09/2021	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng (Nguyễn Văn Hiếu)
	5	[H1-1.1-05]	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2020	Số 257/KH-THCSTT2 ngày 04/09/2017	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng (Nguyễn Văn Hiếu)

	6	[H1-1.1-06]	Website trường https://thcsthitrان2.hcm.edu.vn/	https://thcsthitrان2.hcm.edu.vn/		Không gian mạng
1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập hội đồng trường	Số 987/QĐ-THCSTT2 ngày 21/01/2021	UBND huyện Củ Chi	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập hội đồng thi đua	Số 60/QĐ-THCSTT2 ngày 25/05/2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập hội đồng giáo dục	- Số 66/QĐ-THCSTT2 ngày 20/08/2018. - Số 33/QĐ-THCSTT2 ngày 20/08/2019. - Số 119/QĐ-THCSTT2 ngày 06/10/2020. - Số 124/QĐ-THCSTT2 ngày 12/09/2021. - Số 92/QĐ-THCSTT2 ngày 25/08/2022.	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập hội đồng khoa học chấm Sáng kiến kinh nghiệm	- Số 41/QĐ-THCSTT2 ngày 09/04/2018. - Số 09/QĐ-THCSTT2 ngày 28/01/2019 - Số 14/QĐ-THCSTT2 ngày 04/02/2020 - Số 10/QĐ-THCSTT2 ngày 03/02/2021	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				- Số 37/QĐ-THCSTT2 ngày 08/03/2022		
	5	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh	- Số 53/QĐ-THCSTT2 ngày 18/06/2018 - Số 69/QĐ-THCSTT2 ngày 10/06/2019 - Số 70/QĐ-THCSTT2 ngày 10/07/2020 - Số 79/QĐ-THCSTT2 ngày 14/06/2021 - Số 70/QĐ-THCSTT2 ngày 14/06/2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	6	[H1-1.2-06]	Quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở	Số 57/QĐ-THCSTT2 ngày 12/05/2022		Hiệu trưởng
	7	[H1-1.2-07]	Quyết định thành lập hội đồng kỷ luật	Không		Hiệu trưởng
	8	[H1-1.2-08]	Chế độ làm việc hội đồng trường	Điều 10, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020.	Bộ trưởng Bộ GD-ĐT	Hiệu trưởng
	9	[H1-1.2-09]	Hồ sơ thi đua nhà trường	Sổ họp Hội đồng thi đua	Chủ tịch Hội đồng	Hiệu trưởng

	10	[H1-1.2-10]	Sổ họp Liên tịch nhà trường	Biên bản Sổ họp Liên tịch nhà trường	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	11	[H1-1.2-11]	Biên bản xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm nhà trường; Quyết định công nhận SKKN cấp cơ sở cho cá nhân thuộc Trường THCS Thị Trấn 2	- Số 41/QĐ-THCSTT2 ngày 09/04/2018. - Số 19/QĐ-THCSTT2 ngày 20/02/2019. - Số 14/QĐ-THCSTT2 ngày 04/02/2020. - Số 16/QĐ-THCSTT2 ngày 20/02/2021. - Số 39/QĐ-THCSTT2 ngày 10/03/2022.	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	12	[H1-1.2-12]	Hồ sơ tuyển sinh	- Quyết định số 53/QĐ-THCSTT2 ngày 18/06/2018. - Quyết định số 69 /QĐ-THCSTT2 ngày 10/06/2019. - Quyết định số 70/QĐ-THCSTT2 ngày 10/07/2020. - Quyết định số 79/QĐ-THCSTT2 ngày 14/06/2021. - Quyết định số 70/QĐ-THCSTT2 ngày 14/06/2022.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng (Lê Chí Thành)
	13	[H1-1.2-13]	Hồ sơ xét tốt nghiệp trung học cơ sở	- Số 63/KH-THCSTT2 ngày 16/04/2018. - Số 86/KH-THCSTT2 ngày 14/04/2019; Quyết định số	Chủ tịch Hội đồng	Hiệu trưởng

				53/QĐ-THCSTT2 ngày 02/04/2019. - Số 132 /KH-THCSTT2 ngày 25/05/2020. - Số 117 /KH-THCSTT2 ngày 19/04/2021. - Số 112/TB-THCSTT2 ngày 22/04/2022.		
	14	[H1-1.2-14]	Sổ kỉ luật học sinh	Sổ ghi nhận vi phạm của học sinh của bộ phận giám thị	Hiệu trưởng	Bộ phận giám thị
	15	[H1-1.2-15]	Biên bản rà soát các hoạt động hội đồng trường	Sổ họp Hội đồng trường	Chủ tịch Hội đồng	Hiệu trưởng
	16	[H1-1.2-16]	Giấy chứng nhận tập thể lao động xuất sắc	- Quyết định số 4416/ QĐ-UBND ngày 08/10/2018. - Quyết định số 5352/ QĐ-UBND ngày 20/12/2019. - Quyết định số 3890/ QĐ-UBND ngày 19/10/2020. - Quyết định số 3961/ QĐ-UBND ngày 22/11/2021.	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Hiệu trưởng
1.3	1	[H1-1.3-01]	-Hồ sơ đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2018-2020. -Hồ sơ đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2020-2022.	- Số -NQ/CB-THCSTT2 ngày 0/0/2018. - Số 20-NQ/CB-THCSTT2 ngày 27/11/2020. - Số 17-NQ/CB-THCSTT2	Chi bộ Trường THCS Thị Trấn 2	Hiệu trưởng

			-Hồ sơ đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2022-2025.	ngày 08/06/2022.		
2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ đại hội công đoàn	Nghị quyết số 35/NQ-CD.THCSTT2 ngày 29/07/2017.	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn	
3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ đại hội chi đoàn	Văn kiện Đại hội Chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Bí thư Chi Đoàn	Chi đoàn	
4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ đại hội liên đội	Văn kiện Đại hội Liên Đội TNTP Hồ Chí Minh	Tổng phụ trách Đội	Đội	
5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ chữ hội thập đỏ nhà trường	- Số 18/QĐ-CTĐ ngày 17/06/2021. - Báo cáo công tác nhân đạo xã hội trong nhà trường các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022.	Hội Chữ thập đỏ huyện Củ Chi	Phó Hiệu trưởng	
6	[H1-1.3-06]	Hồ sơ hội khuyến học	- Cáo cáo tổng kết công tác khuyến học các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022. - Danh sách học sinh nhận học bổng các năm học 2018, 2019, 2020, 2021, 2022.		Phó Hiệu trưởng	
7	[H1-1.3-07]	Sổ họp chi bộ	Các biên bản trong Sổ họp Chi bộ	Bí thư Chi bộ	Bí thư	

	8	[H1-1.3-08]	Sổ họp công đoàn	Các biên bản trong Sổ họp BCH Công đoàn 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn
	9	[H1-1.3-09]	Sổ họp chi đoàn	Các biên bản trong Sổ họp Chi đoàn 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Bí thư Chi Đoàn	Chi đoàn
	10	[H1-1.3-10]	Sổ họp liên đội	Các biên bản trong Sổ họp Liên đội các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Tổng phụ trách Đội	TPT Đội (Trần Đức Toàn)
	11	[H1-1.3-11]	Điều lệ Hội chữ thập đỏ; Thông tư quy định về hoạt động chữ thập đỏ trong trường học	- Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 08/03/2018. - Thông tư số 780/2014/TT-BGD-ĐT ngày 14/03/2014.	Thủ tướng chính phủ Bộ Giáo dục – Đào tạo.	Phó Hiệu trưởng (Lê Thị Bình)
	12	[H1-1.3-12]	Điều lệ hội khuyến học	Quyết định số 151 /QĐ-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2017	Bộ Nội vụ	Phó Hiệu trưởng (Lê Thị Bình)
	13	[H1-1.3-13]	Báo cáo thực hiện nhiệm vụ hàng năm của chi bộ	Báo cáo kiểm điểm của Chi uỷ Chi bộ Trường THCS Thị Trấn 2 về lãnh đạo, quản lý thực hiện nhiệm vụ năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021	Chi uỷ Chi bộ Trường THCS Thị Trấn 2	Phó Bí thư Chi bộ (Lê Chí Thành)
	14	[H1-1.3-14]	Bảng thông báo kết quả đánh giá chất lượng chi bộ hàng năm	Quyết định công nhận kết quả phân tích chất lượng cơ sở	Đảng uỷ Thị trấn Củ	Hiệu trưởng

			Đảng và đảng viên năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021	Chi	
15	[H1-1.3-15]	Báo cáo tổng kết hoạt động công đoàn	- Báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn số 03/BC-CĐ/TT2 ngày 06/08/2018. - Báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn số 21/BC-CĐ/TT2 ngày 09 /11 /2019. - Báo cáo tổng kết hoạt động - Công đoàn số 19/BC-CĐ/TT2 ngày 10/07/2020. - Báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn số 286/BC-CĐ/TT2 ngày 07 / 11 /2021. - Báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn số /BC-CĐ/TT2 ngày / /2022.	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn
16	[H1-1.3-16]	Báo cáo tổng kết hoạt động Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Báo cáo tổng kết hoạt động Đoàn các năm 2018, 2017, 2020, 2021, 2022	Bí thư Chi Đoàn	Chi đoàn
17	[H1-1.3-17]	Báo cáo tổng kết hoạt động Đội Tiền phong Hồ Chí Minh	Báo cáo tổng kết hoạt động Liên Đội các năm 2018, 2017, 2020, 2021, 2022	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
18	[H1-1.3-18]	Hồ sơ, hình ảnh tập huấn sơ cấp cứu	Hồ sơ, hình ảnh tập huấn sơ cấp cứu các năm học	Y tế	Y tế

	19	[H1-1.3-19]	Danh sách giáo viên hiến máu nhân đạo	Danh sách giáo viên tham gia hiến máu nhân đạo các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Hiệu trưởng	Y tế
	20	[H1-1.3-20]	Biên nhận đóng góp công tác xã hội nhân đạo	Các biên nhận đóng góp công tác xã hội nhân đạo các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Cơ quan tiếp nhận	Kế toán
	21	[H1-1.3-21]	Danh sách trao tặng học bổng	Danh sách học sinh nhận học bổng các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng (Lê Thị Bình)
1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng	- Số 9034/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2017. - Số 13198/QĐ-UBND ngày 14 /07/2022.	Chủ tịch UBND huyện Củ Chi	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm các phó hiệu trưởng Phó hiệu trưởng 1: Lê Chí Thành Phó hiệu trưởng 2: Lê Thị Bình	- Số 9036/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2017. - Số 13199/QĐ-UBND ngày 14 /07/2022. - Số 7893/QĐ-UBND ngày 08 /08/2018.	Chủ tịch UBND huyện Củ Chi	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Danh sách tổ chuyên môn	- Số 56/QĐ-THCSTT2 ngày 16/07/2018 - Số 85/QĐ-THCSTT2 ngày 20/08/2019 - Số 84/QĐ-THCSTT2 ngày 26/07/2021	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

				- Số 76/QĐ-THCSTT2 ngày 20/07/2022		
	4	[H1-1.4-04]	Danh sách tổ văn phòng	- Số 56/QĐ-THCSTT2 ngày 16/07/2018 - Số 85/QĐ-THCSTT2 ngày 20/08/2019 - Số 84/QĐ-THCSTT2 ngày 26/07/2021 - Số 76/QĐ-THCSTT2 ngày 20/07/2022	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Quyết định phân công tổ trưởng	- Số 56/QĐ-THCSTT2 ngày 16/07/2018 - Số 86/QĐ-THCSTT2 ngày 20/08/2019 - Số 81/QĐ-THCSTT2 ngày 01/09/2020. - Số 85/QĐ-THCSTT2 ngày 02/08/2021 - Số 93/QĐ-THCSTT2 ngày 25/08/2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Sổ hợp các tổ chuyên môn	Sổ hợp tổ chuyên môn của các tổ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

	7	[H1-1.4-07]	Sổ họp tổ văn phòng	Sổ họp tổ văn phòng các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	8	[H1-1.4-08]	Biên bản rà soát đánh giá hoạt động các tổ chuyên môn	Các biên bản kiểm tra tổ trưởng tổ chuyên môn các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Các Phó Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
1.4	9	[H1-1.4-09]	Biên bản rà soát đánh giá hoạt động tổ văn phòng	Các biên bản kiểm tra tổ trưởng tổ văn phòng các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	10	[H1-1.4-10]	Phiếu dự giờ giáo viên	Sổ dự giờ các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Các Phó hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
1.4	11	[H1-1.4-11]	Sổ gọi tên ghi điểm các năm	Sổ gọi tên ghi điểm các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Học vụ (Lê Thị Dạ Ngọc)
	12	[H1-1.4-12]	Học bạ các khối	Học bạ học sinh khối 6,7,8,9 năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Học vụ (Lê Thị Dạ Ngọc)

	13	[H1-1.4-13]	Sổ theo dõi mượn đồ dùng dạy học	Sổ theo dõi mượn đồ dùng dạy học các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng thiết bị (Nguyễn Thị Trường Giang)
	14	[H1-1.4-14]	Sổ theo dõi các tiết thực hành thí nghiệm	Sổ theo dõi các tiết thực hành thí nghiệm các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng thiết bị (Nguyễn Thị Trường Giang)
1.5	1	[H1-1.5-01]	Báo cáo tổng kết hàng năm của trường	- Số 88/BC-THCSTT2 ngày 21/05/2018 - Số 126/BC-THCSTT2 ngày 15/05/2019 - Số 164 /BC-THCSTT2 ngày 06/07/2020 - Số 170/BC-THCSTT2 ngày 20/05/2021	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H1-1.5-02]	Hồ sơ chủ nhiệm lớp	Sổ chủ nhiệm lớp các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023		Hiệu trưởng
1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ cán bộ, giáo viên, công nhân viên	Hồ sơ cán bộ, giáo viên, công nhân viên	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	2	[H1-1.6-02]	Sổ đăng bộ	Sổ đăng bộ lưu danh sách học sinh từ năm học 2018 – 2019 đến nay	Hiệu trưởng	Học vụ (Lê Thị Dạ Ngọc)
	3	[H1-1.6-03]	Sổ cấp phát bằng	Sổ gốc cấp phát bằng TN.THCS cho học sinh từ năm học 2018-2019 đến nay	Hiệu trưởng	Học vụ (Lê Thị Dạ Ngọc)
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ quản lý tài chính	Hồ sơ quản lý tài chính các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Hiệu trưởng	Kế toán (Nguyễn Ngọc Oanh)
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ quản lý tài sản	Sổ quản lý tài sản nhà trường	Hiệu trưởng	Kế toán (Nguyễn Ngọc Oanh)
	6	[H1-1.6-06]	Hồ sơ lập dự toán tài chính	- Hồ sơ lập dự toán tài chính các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022. - Số 71/QĐ-THCSTT2 ngày 21/06/2022; số 150/QĐ-THCSTT2 ngày 20/10/2022	Hiệu trưởng	Kế toán (Nguyễn Ngọc Oanh)
1.6	7	[H1-1.6-07]	Hồ sơ thu chi tài chính	Hồ sơ thu chi tài chính các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Hiệu trưởng	Kế toán
	8	[H1-1.6-08]	Hồ sơ quyết toán tài chính	Hồ sơ quyết toán tài chính các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Hiệu trưởng	Kế toán
	9	[H1-1.6-09]	Bảng thống kê báo cáo tài chính	Báo cáo tài chính các năm	Hiệu	Kế toán

		hàng năm	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	trưởng	
10	[H1-1.6-10]	Bảng thống kê báo cáo tài sản hàng năm	Báo cáo tài sản các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Hiệu trưởng	Kế toán
11	[H1-1.6-11]	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm (hồ sơ hội nghị cán bộ công chức)	- Số 116 /QĐ-THCSTT2 ngày 14 /10/2018. - Số 03/QĐ-THCSTT2 ngày 17/01/2019. - Số 08/QĐ-THCSTT2 ngày 14/01/2020. - Số 07/QĐ-THCSTT2 ngày 25/01/2021. - Số 08/QĐ-THCSTT2 ngày 26/01/2022.	Hiệu trưởng	Kế toán
12	[H1-1.6-12]	Hồ sơ mua sắm đồ dùng dạy học	Hóa đơn, chứng từ mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022- 2023	Hiệu trưởng	GV phụ trách Thiết bị - THTN
13	[H1-1.6-13]	Hệ thống quản lý cán bộ công chức			Nhân viên CNTT (Đặng Thanh Thuý)
14	[H1-1.6-14]	Chương trình quản lý nhân sự trực tuyến EPMIS			Nhân viên CNTT

					(Đặng Thanh Thuý)
	15	[H1-1.6-15]	Hệ thống thông tin quản lý giáo dục của Sở Giáo dục- Đào tạo TP.HCM	https://truong.hcm.edu.vn	Hiệu trưởng Nhân viên CNTT (Đặng Thanh Thuý)
	16	[H1-1.6-16]	Phần mềm quản lý tài chính IMAX 10.0		Kế toán
	17	[H1-1.6-17]	Phần mềm quản lý tài sản công		Kế toán
	18	[H1-1.6-18]	Biên bản kiểm tra học vụ hàng năm	Biên bản kiểm tra học vụ các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Phòng GD-ĐT Học vụ (Lê Thị Dạ Ngọc)
	19	[H1-1.6-19]	Biên bản kiểm tra tài chính tài sản hàng năm	Biên bản kiểm tra tài chính tài sản hàng năm các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Phòng Tài chính Kế toán
1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ các năm học	- 2018-2019: Số 161/KH-THCSTT2 ngày 09/10/2018. - 2019-2020: Số 275/KH-THCSTT2 ngày 23/09/2019. - 2020-2021: Số 276/KH-THCSTT2 ngày 27/10/2020. - 2021-2022: Số 204/KH-THCSTT2 ngày 27/06/2021.	Hiệu trưởng Hiệu trưởng

				- 2022-2023: Số /KH-THCSTT2 ngày / /2022.		
	2	[H1-1.7-02]	Bảng thống kê chất lượng đội ngũ hàng năm	Bảng thống kê chất lượng đội ngũ các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên	- 2018-2019: Số 161/KH-THCSTT2 ngày 09/10/2018. - 2019-2020: Số 275/KH-THCSTT2 ngày 23/09/2019. - 2020-2021: Số 276/KH-THCSTT2 ngày 27/10/2020. - 2021-2022: Số 204/KH-THCSTT2 ngày 27/06/2021. - 2022-2023: Số /KH-THCSTT2 ngày / /2022.	Phó Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.7-04]	Bảng phân công nhiệm vụ hàng năm	- Bảng phân công kèm QĐ số 63/QĐ-THCSTT2 ngày 13/08/2018. - Bảng phân công kèm QĐ số 88/QĐ-THCSTT2 ngày 20/08/2019. - Bảng phân công kèm QĐ số 108/QĐ-THCSTT2 ngày 01/09/2020. - Bảng phân công kèm QĐ số 137/QĐ-THCSTT2 ngày 12/10/2021.	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				- Bảng phân công kèm QĐ số 90/QĐ-THCSTT2 ngày 22/08/2022.		
	5	[H1-1.7-05]	Bảng kết quả đánh giá công chức hàng năm	Bảng kết quả đánh giá công chức các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.7-06]	Biên bản họp hội đồng sư phạm	Sổ họp Hội đồng sư phạm	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	7	[H1-1.7-07]	Danh sách giáo viên được cử đi học hàng năm	Danh sách giáo viên tham gia học bồi dưỡng các lớp hàng năm (kèm theo cáo cáo đào tạo, bồi dưỡng các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022)	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	8	[H1-1.7-08]	Biên bản họp xét duyệt các khối từng học kì của từng năm học	Biên bản họp xét hai mặt giáo dục các năm học 2017 -2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	9	[H1-1.7-09]	Biên bản họp hội đồng kỷ luật học sinh hàng năm (nếu có)	Sổ kỉ luật	Hiệu trưởng	Giám thị (Cô Lê Thị Minh Tâm)

	10	[H1-1.7-10]	Hợp đồng khám sức khỏe cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường	Hợp đồng khám sức khỏe cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Chủ tịch Công đoàn	Kế toán
	11	[H1-1.7-11]	Báo cáo hoạt động nữ công công đoàn	Năm học 2019- 2020 chưa có số	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn
	12	[H1-1.7-12]	Danh sách giáo viên được hỗ trợ kinh phí học tập nâng cao trình độ	Hóa đơn, chứng từ hỗ trợ chi phí học tập cho cán bộ giáo viên, nhân viên theo quy chế các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Kế toán
	13	[H1-1.7-13]	Danh sách khen thưởng tự học tự rèn của cán bộ, giáo viên, công nhận viên	Quyết định khen thưởng Số 47/QĐ-THCSTT2 ngày 22/05/2018	Hiệu trưởng	Kế toán
1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch năm học của nhà trường	Số 147/KH-THCSTT2 ngày 20/09/2018	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Chỉ thị nhiệm vụ năm học của Ủy Ban Nhân dân Thành phố	- Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 28/08/2018. - Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21/08/2019. - Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 10/09/2020.	Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Hiệu trưởng

				- Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 03/09/2021. - Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 14/09/2022.		
	3	[H1-1.8-03]	Văn bản chỉ đạo về Phương hướng nhiệm vụ Giáo dục – Đào tạo của Phòng Giáo dục-Đào tạo huyện Củ Chi	- Báo cáo số 1376/KH-GDĐT THCS ngày 24/09/2018. - Báo cáo số 1075 /BC-GDĐT THCS ngày 04/09/2019. - Báo cáo số 1197/BC-GDĐT THCS ngày 30/09/2020. - Báo cáo số 952/BC-PGD ngày 08/09/2021. - Báo cáo số 1047/BC-GDĐT THCS ngày 07/09/2022.	Phó Trưởng Phòng GD-ĐT Củ Chi	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.8-04]	Bảng thống kê cơ sở vật chất hàng năm	Báo cáo về cơ sở vật chất đầu năm các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023		Phó Hiệu trưởng
	5	[H1-1.8-05]	Bảng thống kê đội ngũ hàng năm	Thống kê báo cáo trình độ đội ngũ (kèm theo báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022)		Phó Hiệu trưởng
	6	[H1-1.8-06]	Bảng kế hoạch dạy 2 buổi / ngày	- Số 150/KH-THCSTT2 ngày 21/09/2018 - Số 250/KH-THCSTT2 ngày		Hiệu trưởng

			20/08/2019 - Số 226/KH-THCSTT2 ngày 15/09/2020 - Số /KH-THCSTT2 ngày /02/2022 - Số /KH-THCSTT2 ngày /09/2022		
7	[H1-1.8-07]	Thời khóa biểu	Thời khóa biểu các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
8	[H1-1.8-08]	Tờ trình về phối hợp giảng dạy tiếng Anh với người nước ngoài	- Số 145/TT-THCSTT2 ngày 20/09/2018 - Số 255/TT-THCSTT2 ngày 26/08/2019 - Số 211/TT-THCSTT2 ngày 04/09/2020 - Số /TT-THCSTT2 ngày 20/09/2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
9	[H1-1.8-09]	Kế hoạch dạy thể dục tự chọn	Số 280/KH-THCSTT2 ngày 08 tháng 9 năm 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
10	[H1-1.8-10]	Kế hoạch học tập trải nghiệm, tham quan hàng năm	- Số 151/TT-THCSTT2 ngày 21/09/2018 - Số 158/TT-THCSTT2 ngày 20/08/2019 - Số 229/TT-THCSTT2 ngày 15/09/2020 - Số /TT-THCSTT2 ngày		Hiệu trưởng

				/09/2022		
	11	[H1-1.8-11]	Báo cáo sơ kết học kì 1 hàng năm	- Số 209/BC-THCSTT2 ngày 27/12/2018 - Số 346/BC-THCSTT2 ngày 27/12/2019 - Số 25/BC-THCSTT2 ngày 11/01/2021 - Số /BC-THCSTT2 ngày /01/2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	12	[H1-1.8-12]	Biên bản kiểm tra học kì	Các biên bản, hồ sơ tổ chức kiểm tra từng học kì của các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022		Phó Hiệu trưởng
	13	[H1-1.8-13]	Biên bản kiểm tra đầu năm	Các biên bản tự kiểm tra và kiểm tra đầu năm học của các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phòng GD - ĐT	Phó Hiệu trưởng
1.9	1	[H1-1.9-01]	- Quy chế dân chủ cơ sở của trường - Biên bản kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở	- Số 114/QĐ-THCSTT2 ngày 14/10/2018 - Số 146/QĐ-THCSTT2 ngày 09/11/2019 - Số 138/QĐ-THCSTT2 ngày 28/10/2020 - Số 147/QĐ-THCSTT2 ngày 18/10/2021		Công đoàn

				- Số 329/QĐ-THCSTT2 ngày 12 /10/2022		
	2	[H1-1.9-02]	Biên bản họp tổ công đoàn hàng năm	Các biên bản trong sổ họp tổ Công đoàn của các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Tổ trưởng Công đoàn các tổ	Công đoàn
	3	[H1-1.9-03]	- Hồ sơ tiếp công dân - Quy chế tiếp công dân của Trường trung học cơ sở Thị Trấn 2 - Bộ Quy tắc ứng xử của Trường trung học cơ sở Thị Trấn 2 và giai đoạn 2021- 2015	- Sổ tiếp công dân - Số 151/QĐ-THCSTT2 ngày 09/11/2019 - Số 103/QĐ-THCSTT2 ngày 20/08/2019 - Số 61/QĐ-THCSTT2 ngày 26/04/2021	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.9-04]	Hồ sơ giải quyết khiếu tố-khiếu nại	Báo cáo về việc phản ánh của phụ huynh học sinh	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.9-05]	Báo cáo Ban Thanh tra Nhân nhân (hồ sơ hội nghị công chức)	Báo cáo Ban Thanh tra Nhân nhân	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn
	6	[H1-1.9-06]	Hình ảnh bản tin nhà trường	Thực tế các bảng tin của nhà trường và thông tin trên trang web và hệ thống eNetViet	Hiệu trưởng	Bảng tin, trang web và ứng dụng eNetViet
1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án đảm bảo an ninh trật tự			Phó Hiệu trưởng

	2	[H1-1.10-02]	Phương án phòng chống tai nạn thương tích	- Số 246/KH-THCSTT2 ngày 19/08/2019		Phó Hiệu trưởng
	3	[H1-1.10-03]	Phương án phòng chống cháy nổ	- Số 55/KH-THCSTT2 ngày 11/04/2018 - Số 58/KH-THCSTT2 ngày 11/04/2018 - Số 282/KH-THCSTT2 ngày 03/11/2021 - Số /KH-THCSTT2 ngày / /2022		Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.10-04]	Phương án phòng chống dịch bệnh	- Số 163/KH-THCSTT2 ngày 09/10/2018 - Số 247/KH-THCSTT2 ngày 20/08/2019; Số 254/QCPHYTTT-THCSTT2 ngày 22/08/2022 - Số 269/KH-THCSTT2 ngày 14/10/2021; 270/PA-THCSTT2 14/10/2021 - Số /KH-THCSTT2 ngày / /2022		Phó Hiệu trưởng
	5	[H1-1.10-05]	Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm	- Số 165/KH-THCSTT2 ngày 11/10/2018 - Số 264/KH-THCSTT2 ngày 03/09/2019		Phó Hiệu trưởng

	6	[H1-1.10-06]	Phương án phòng chống tệ nạn xã hội	- Số 147/KH-THCSTT2 ngày 14/06/2019		Phó Hiệu trưởng
	7	[H1-1.10-07]	Hình ảnh hộp thư góp ý	Hộp thư góp ý tại trường	Hiệu trưởng	Tổng Phụ trách Đội
	8	[H1-1.10-08]	Hình ảnh phòng tiếp công dân			Phó Hiệu trưởng
	9	[H1-1.10-09]	Biên bản kiểm tra trường học an toàn	Hồ sơ và quyết định công nhận trường học an toàn các năm học 2018 -2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Chủ tịch UBND huyện Củ Chi	Phó Hiệu trưởng
	10	[H1-1.10-10]	Tờ trình về công tác phối hợp hỗ trợ an ninh trật tự trước cổng trường	Các tờ trình về công tác phối hợp hỗ trợ an ninh trật tự trước cổng trường với Công an Thị trấn Củ Chi	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	11	[H1-1.10-11]	Sổ kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm	Biên bản kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm của Ban an toàn thực phẩm	Ban kiểm tra an toàn thực phẩm Thành phố	Y tế
	12	[H1-1.10-12]	Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm bếp ăn	Hồ sơ an toàn thực phẩm các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Ban kiểm tra an toàn thực phẩm Thành phố	Y tế
	13	[H1-1.10-13]	Hình ảnh các bảng quy định an toàn sử dụng điện, cháy nổ	Các tiêu lệnh về phòng cháy chữa cháy và hướng dẫn sử dụng điện an toàn	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

	14	[H1-1.10-14]	Hình ảnh bản tin y tế	Thực tế bản tin Y tế của trường	Phó hiệu trưởng	Y tế
	15	[H1-1.10-15]	Sổ tuyên truyền của y tế	Biên bản và tài liệu tuyên truyền của bộ phận Y tế các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó hiệu trưởng	Y tế
	16	[H1-1.10-16]	Hình ảnh báo cáo các chuyên đề về phòng chống tệ nạn xã hội	Hình ảnh và nội dung chuyên đề	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
2.1	1	[H2-2.1-01]	Sơ yếu lí lịch cán bộ quản lí	Hồ sơ cá nhân Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Bảng cấp chuyên môn Cán bộ quản lí	Hồ sơ cá nhân của Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng	Cơ quan đào tạo	Hiệu trưởng
	3	[H2-2.1-03]	Chứng chỉ quản lí trường trung học cơ sở	Bằng thạc sĩ quản lí giáo dục Chứng chỉ Bồi dưỡng hiệu trưởng trường trung học cơ sở	Đại học Huế, Đại học Sài Gòn	Hiệu trưởng
	4	[H2-2.1-04]	Bảng kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng hàng năm	Bảng đánh giá chuẩn hiệu trưởng các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	5	[H2-2.1-05]	Bảng kết quả đánh giá chuẩn Phó hiệu trưởng hàng năm	Bảng đánh giá chuẩn đối với 02 Phó hiệu trưởng các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H2-2.1-06]	Bảng kết quả học tập chính trị hàng năm	Báo cáo kết quả học tập chính trị các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	7	[H2-2.1-07]	Tài liệu tập huấn đổi mới phương pháp giảng dạy	Tài liệu tập huấn đổi mới phương pháp giảng dạy STEM, trải nghiệm, ...	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	8	[H2-2.1-08]	Tài liệu tập huấn y tế học đường	Tài liệu tập huấn y tế học đường	Sở Y tế Thành phố	Y tế
	9	[H2-2.1-09]	Tài liệu tập huấn về hồ sơ bảo hiểm y tế học sinh và giáo viên	Tài liệu tập huấn về hồ sơ bảo hiểm y tế học sinh và giáo viên	Bảo hiểm xã hội	Y tế
	10	[H2-2.1-10]	Tài liệu tập huấn quản lý tài chính	Tài liệu tập huấn quản lý tài chính	Sở Tài chính	Hiệu trưởng
	11	[H2-2.1-11]	Tài liệu tập huấn công tác thi đua khen thưởng	Tài liệu tập huấn công tác thi đua khen thưởng	Phòng Nội vụ	Hiệu trưởng
	12	[H2-2.1-12]	Tài liệu tập huấn đánh giá công chức viên chức	Tài liệu tập huấn đánh giá công chức viên chức	Phòng Nội vụ	Hiệu trưởng

	13	[H2-2.1-13]	Giấy chứng chỉ cao cấp lý luận chính trị của Hiệu trưởng và Trung cấp lý luận chính trị của phó hiệu trưởng	Hồ sơ cá nhân Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Học viện Cán bộ Thành phố	Hiệu trưởng
	14	[H2-2.1-14]	Biên bản bỏ phiếu tín nhiệm cán bộ quản lý	Biên bản bỏ phiếu tín nhiệm cán bộ quản lý	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
2.2	1	[H2-2.2-01]	Quyết định phân công giảng dạy của giáo viên	- Số 63/QĐ-THCSTT2 ngày 13/08/2018. - Số 88/QĐ-THCSTT2 ngày 20/08/2019. - Số 108/QĐ-THCSTT2 ngày 01/09/2020. - Số 137/QĐ-THCSTT2 ngày 12/10/2021. - Số 90/QĐ-THCSTT2 ngày 22/08/2022.	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H2-2.2-02]	Kế hoạch Giáo dục ngoài giờ lên lớp	- Số 151/KH-THCSTT2 ngày 21/09/2018. - Số 258 /KH-THCSTT2 ngày 20/08/2019. - Số 229/KH-THCSTT2 ngày 15/09/2020. - Số 284/KH-THCSTT2 ngày 05/11/2021. - Số /KH-THCSTT2 ngày		Phó Hiệu trưởng

				07/09/2022.		
	3	[H2-2.2-03]	Kế hoạch hoạt động của nhóm thể dục	Kế hoạch câu lạc bộ thể thao đa năng của Tổ Giáo dục thể chất các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	TTCM
	4	[H2-.2.2-04]	Kế hoạch hoạt động của nhóm nhạc	Kế hoạch câu lạc bộ Âm nhạc của Tổ Nghệ thuật các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	TTCM
	5	[H2-2.2-05]	Quyết định phân công giáo viên phổ biến pháp luật	- Số 65 /QĐ-THCSTT2 ngày 20/08/2018. - Số 84/QĐ-THCSTT2 ngày 20/08/2019. - Số 119/QĐ-THCSTT2 ngày 06/10/2020. - Số 132 /QĐ-THCSTT2 ngày 29/09/2021. - Số 130 /QĐ-THCSTT2 ngày 16/09/2022.	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H2-2.2-06]	Hồ sơ phổ biến pháp luật	- Số 134/KH-THCSTT2 ngày 31/08/2018. - Số 301 /KH-THCSTT2 ngày 30/10/2019. - Số 208 /KH-THCSTT2 ngày 02/11/2020.		Cô Nga

				- Số 302 /KH-THCSTT2 ngày 26/11/2021. - Số /KH-THCSTT2 ngày / /2022.		
	7	[H2-2.2-07]	Bảng thống kê trình độ giáo viên	Hồ sơ đánh giá giáo viên theo chuẩn	Hiệu trưởng	CNTT
	8	[H2-2.2-08]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Hồ sơ cá nhân giáo viên	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	9	[H2-2.2-09]	Bảng thống kê trình độ đội ngũ	Bảng thống kê trình độ giáo viên kèm theo báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	10	[H2-2.2-10]	Bảng tổng hợp đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm	Bảng tổng hợp đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	11	[H2-2.2-11]	Danh sách phân công giáo viên tham gia ngoại khóa	Danh sách phân công giáo viên trực tiếp tham gia các hoạt động ngoại khóa năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	12	[H2-2.2-12]	Hồ sơ họp phụ huynh học sinh chọn nguyện vọng lớp 9	Biên bản họp Cha mẹ học sinh lớp 9 tư vấn chọn nguyện vọng thi tuyển sinh 10 các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	13	[H2-2.2-13]	Hồ sơ kỷ luật giáo viên, nhân viên	Biên bản trao đổi với giáo viên, nhân viên	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	14	[H2-2.2-14]	Hồ sơ của Hội đồng trường	Nghị quyết	Chủ tịch HĐT	Hiệu trưởng
2.3	1	[H2-2.3-01]	Bảng phân công nhiệm vụ tổ văn phòng	Quy chế làm việc của Trường trung học cơ sở Thị Trấn 2	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H2-2.3-02]	Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ	Hồ sơ nhân viên bảo vệ	Công an	Hiệu trưởng
	3	[H2-2.3-03]	Lịch công tác có nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	Lịch công tác tuần của trường	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H2-2.3-04]	Thông báo tuyển sinh của trường trung cấp nghề Củ Chi; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên	Các Thông báo tuyển sinh của trường trung cấp nghề Củ Chi; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên và các hệ tương đương	Đơn vị phối hợp	Phó Hiệu trưởng
2.4	1	[H2-2.4-01]	Bảng thống kê độ tuổi tuyển sinh lớp 6 hàng năm	Báo cáo công tác tuyển sinh lớp 6 các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H2-2.4-02]	Bảng thống kê hạnh kiểm học sinh hàng năm (cuối năm)	Bảng thống kê số liệu hạnh kiểm kèm theo cáo cáo tổng kết năm học các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

	3	[H2-2.4-03]	Bảng chấm điểm thi đua hàng tuần của Đội	Bảng theo dõi thi đua hàng tuần của các lớp các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Đội
	4	[H2-2.4-04]	Thống kê học lực học sinh hàng năm (cuối năm)	Bảng thống kê số liệu học lực kèm theo cáo cáo tổng kết năm học các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	5	[H2-2.4-05]	Báo cáo hoạt động phong trào đội		Tổng Phụ trách Đội	Liên Đội
	6	[H2-2.4-06]	Hồ sơ đại hội chi đội	Hồ sơ đại hội Chi Đội các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2020-2023	Phụ trách Chi	Liên Đội
	7	[H2-2.4-07]	Hồ sơ chăm vệ sinh các lớp	Bảng điểm/Sổ chấm điểm vệ sinh các lớp	Y tế	Đội
2.4	8	[H2-2.4-08]	Sổ kiểm kê tài sản nhà trường lớp học	Sổ tài sản nhà trường	Hiệu trưởng	Kế toán
	9	[H2-2.4-09]	Biên bản kiểm tra môi trường sư phạm đầu năm	- Biên bản tự kiểm tra của trường. - Biên bản kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo.	Phó hiệu trưởng Chuyên viên PGD và ĐT	Hiệu trưởng
	10	[H2-2.4-10]	Hồ sơ hỗ trợ học sinh diện hộ nghèo, hộ cận nghèo	Số 151/QĐ-THCSTT2 ngày 24/10/2022		Kế toán

	11	[H2-2.4-11]	Hồ sơ gia đình chính sách, con thương binh....	Danh sách học sinh diện con thương binh, liệt sĩ; hộ nghèo, cận nghèo được miễn giảm học phí	Hiệu trưởng	Kế toán
	12	[H2-2.4-12]	Hồ sơ chính sách cho học sinh dân tộc Chăm, Khơ-me	- Danh sách học sinh dân tộc Chăm, Khơ-me được miễn học phí - Báo cáo công tác dân tộc các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Phó Hiệu trưởng	Kế toán
	13	[H2-2.4-13]	Các thành tích hoạt động văn-thể-mỹ	Báo cáo tổng kết năm học (nội dung công tác văn-thể-mỹ)	Phó hiệu trưởng	Tổ Thể dục
3.1	1	[H3-3.1-01]	Hình ảnh khuôn viên sân trường	Thực tế khuôn viên sân trường	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hình biển tên trường, cổng trường	Thực tế biển tên trường, cổng trường	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh bờ rào trường	Thực tế bờ rào trường	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	4	[H3-3.1-04]	Hình ảnh hoạt động giáo dục-sinh hoạt dưới cờ	Thực tế hoạt động giáo dục-sinh hoạt dưới cờ	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H3-3.1-05]	Hình ảnh/hồ sơ các chuyên đề kỹ năng sống	- Số 63/KH-THCSTT2 ngày 01/03/2019 - Số 236/KH-THCSTT2 ngày 18/09/2021 - Số 226/KH-THCSTT2 ngày 29/08/2022	Phó Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	6	[H3-3.1-06]	Hình ảnh các lễ hội được tổ	Hình ảnh, kế hoạch tổ chức các	Hiệu	Phó hiệu

			chức dưới sân	lễ hội trong nhà trường	trưởng	trưởng
3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh lớp học cụ thể	Hệ thống các phòng học thực tế	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh phòng bộ môn	Hệ thống các phòng bộ môn thực tế	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh thư viện	Thực tế phòng thư viện	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	4	[H3-3.2-04]	Hình ảnh phòng Đoàn-Đội	Thực tế phòng Đoàn-Đội	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	5	[H3-3.2-05]	Hình ảnh phòng thiết bị	Thực tế các phòng thiết bị - THTN	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh khu hành chính	Thực tế khu hành chính	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh các khu nhà xe giáo viên	Thực tế nhà xe giáo viên	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	[H3-3.3-03]	Hình ảnh khu nhà xe học sinh	Thực tế khu nhà xe học sinh của trường	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	4	[H3-3.3-04]	Hợp đồng bảo trì, sửa chữa	Hợp đồng bảo trì sửa chữa điện, nước	Hiệu trưởng	Kế toán
	5	[H3-3.3-05]	Sổ báo hư và xác nhận sửa chữa	Sổ báo hư và xác nhận sửa chữa các thiết bị điện của nhà trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Kế toán
	6	[H3-3.3-06]	Hồ sơ bán trú	- Số 160/KH-THCSTT2 ngày 03/09/2020. - Số 29/KH-THCSTT2 ngày	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

				07/02/2022. - Số 270/KH-THCSTT2 ngày 05/09/2022.		
	7	[H3-3.3-07]	Hình ảnh nhà ăn bán trú của học sinh	Thực tế nhà ăn, bếp ăn phục vụ bán trú của nhà trường	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	8	[H3-3.3-08]	Hình ảnh khu vực phòng ngủ bán trú	Thực tế khu phòng ngủ bán trú của học sinh	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	9	[H3-3.3-09]	Hình ảnh các thiết bị văn phòng	Thực tế các thiết bị văn phòng của nhà trường	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh các khu nhà vệ sinh	Hình ảnh thực tế các khu nhà vệ sinh (08 khu học sinh, 03 của giáo viên) của nhà trường	Phó hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H3-3.4-02]	Hợp đồng nhân viên phục vụ	Các hợp đồng nhân viên phục vụ của nhà trường	Hiệu trưởng	Kế toán
	3	[H3-3.4-03]	Danh sách thông tin học sinh khuyết tật	Danh sách thông tin học sinh khuyết tật các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
3.4	4	[H3-3.4-04]	Hệ thống thoát nước của trường	Thực tế hệ thống cống thoát nước và hầm chứa của trường	Phó hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	5	[H3-3.4-05]	Hợp đồng cung cấp nước sạch	Hợp đồng cung cấp nước sạch	Hiệu trưởng	Kế toán
	6	[H3-3.4-06]	Hợp đồng, hóa đơn nước uống GV	Hợp đồng, hóa đơn nước uống cho giáo viên các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Kế toán
	7	[H3-3.4-07]	Hợp đồng, hóa đơn nước uống	Hợp đồng, hóa đơn nước uống	Hiệu	Kế toán

			HS (bình)	đóng bình cho học sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	trưởng	
	8	[H3-3.4-08]	Hợp đồng, hóa đơn nước uống HS (chai)	Hợp đồng, hóa đơn nước uống đóng chai cho học sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Kế toán
	9	[H3-3.4-09]	Hợp đồng, lịch thu gom rác thải	-Hợp đồng, lịch thu gom rác thải sinh hoạt của trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 - Sổ gửi rác y tế, rác nguy hại của nhà trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Hiệu trưởng	Kế toán Y tế
3.5	1	[H3-3.5-01]	Hệ thống chuông và âm thanh	Thực tế hệ thống chuông và âm thanh	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H3-3.5-02]	Báo cáo rà soát danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học	Báo cáo rà soát danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Bộ phận Thiết bị - THPTN
	3	[H3-3.5-03]	Bảng đăng kí mua đồ dùng dạy học	Bảng đăng kí mua đồ dùng dạy học các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-	Hiệu trưởng	Bộ phận Thiết bị - THPTN

3.5				2022, 2022-2023		
	4	[H3-3.5-04]	Sổ đăng kí đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên	Sổ đăng kí đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	Bộ phận Thiết bị - THPTN
	5	[H3-3.5-05]	Sổ tài sản, biên bản kiểm kê tài sản	Sổ tài sản nhà trường; biên bản kiểm kê tài sản các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Bộ phận Thiết bị - THPTN
	6	[H3-3.5-06]	Báo cáo, biên bản rà soát đồ dùng dạy học	Biên bản soát đồ dùng dạy học các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó hiệu trưởng	Bộ phận Thiết bị - THPTN
	7	[H3-3.5-07]	Hóa đơn mua sắm, tiếp nhận đồ dùng dạy học	Hóa đơn mua sắm, tiếp nhận đồ dùng dạy học các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Bộ phận Thiết bị - THPTN
	8	[H3-3.5-08]	Sổ đăng kí sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học	Sổ đăng kí sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học (tranh ảnh, bản đồ) các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó hiệu trưởng	Bộ phận Thiết bị - THPTN
	9	[H3-3.5-09]	Sổ đăng kí sử dụng phòng nghe nhìn	Sổ đăng kí sử dụng Phòng Nghe nhìn của trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó hiệu trưởng	Bộ phận Thiết bị - THPTN

3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục sách của Thư viện	Danh mục sách của Thư viện có cập nhật từng năm học các năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Máy tính nối mạng tại Thư viện	Thực tế máy tính có nối mạng tại Thư viện	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
	3	[H3-3.6-03]	Lịch đọc sách của học sinh	Lịch đọc sách cụ thể của học sinh tại Thư viện	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
	4	[H3-3.6-04]	Sổ ghi nhận mượn sách của giáo viên	Sổ ghi nhận mượn sách của giáo viên từ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
	5	[H3-3.6-05]	Sổ ghi nhận mượn sách của học sinh	Sổ ghi nhận mượn sách của học sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
	6	[H3-3.6-06]	Biên bản kiểm kê tài sản của Thư viện	Biên bản kiểm kê tài sản của Thư viện các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Nhân viên Thư viện	Kê toán
	7	[H3-3.6-07]	Đề xuất mua sắm của bộ phận Thư viện	Đề xuất mua sắm của bộ phận Thư viện năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thư viện
	8	[H3-3.6-08]	Hoá đơn, chứng từ mua sắm	Hoá đơn, chứng từ mua sắm của bộ phận Thư viện các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Hiệu trưởng	Nhân viên Thư viện

	6	[H3-3.6-09]	Các quyết định công nhận Thư viện xuất sắc	Quyết định công nhận Thư viện xuất sắc các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Sở Giáo dục – Đào tạo	Nhân viên Thư viện
4.1	1	[H4- 4.1-01]	Biên bản họp Cha mẹ học sinh đầu năm các lớp	Biên bản họp cha mẹ học sinh các lớp đầu năm học các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023		Hiệu trưởng
4.1	2	[H4- 4.1-02]	Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh	Số 55/2011/TT-BGD-ĐT ngày 22/11/2011	Bộ trưởng Bộ GD-ĐT	Hiệu trưởng
	3	[H4- 4.1-03]	Biên bản Đại hội Ban đại diện cha mẹ học sinh	Biên bản Đại hội Ban đại diện cha mẹ học sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023		Hiệu trưởng
	4	[H4- 4.1-04]	Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh các năm học 2017- 2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Trưởng Ban đại diện CMHS	Hiệu trưởng
	5	[H4- 4.1-05]	Sổ ghi biên bản các kỳ họp cha mẹ học sinh	Sổ họp Ban đại diện cha mẹ học sinh	Ban đại diện CMHS	Hiệu trưởng
	6	[H4- 4.1-06]	Danh sách học sinh nghỉ, bỏ học	Danh sách học sinh nghỉ bỏ học các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022- 2023	Hiệu trưởng	Học vụ

4.2	1	[H4- 4.2-01]	Kế hoạch tuyển sinh lớp 6	- Số 103/KH-THCSTT2 ngày 12/06/2018 - Số 143/KH-THCSTT2 ngày 10/06/2019 - Số 143/KH-THCSTT2 ngày 10/06/2019 - Số 163/KH-THCSTT2 ngày 06/07/2020 - Số 198/KH-THCSTT2 ngày 14/06/2021 - Số /KH-THCSTT2 ngày 14/06/2022	Hiệu trưởng	Học vụ
	2	[H4- 4.2-02]	Văn bản báo cáo nhu cầu tuyển dụng	Tờ trình về nhu cầu tuyển dụng giáo viên, nhân viên	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H4- 4.2-03]	Văn bản xin sửa chữa trường	Tờ trình xin sửa chữa trường	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	[H4- 4.2-04]	Quyết định về sửa chữa trường của Huyện	Văn bản phê duyệt trang bị, sửa chữa của cấp lãnh đạo	Chủ tịch UBND huyện	Hiệu trưởng
	5	[H4- 4.2-05]	Văn kiện Đại hội cha mẹ học sinh	Văn kiện Đại hội Ban đại diện cha mẹ học sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022- 2023	Ban đại diện CMHS	Hiệu trưởng
4.2	6	[H4- 4.2-06]	Văn bản xác nhận tài trợ	Biên bản xác nhận tiếp nhận tài trợ các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-	Ban đại diện CMHS	Kế toán

5.1				2022, 2022-2023		
	7	[H4- 4.2-07]	Chứng từ chi hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Các chứng từ chi hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Ban đại diện CMHS	Kế toán
	8	[H4- 4.2-09]	Ảnh hoạt động và chăm sóc công trình văn hóa	Hình ảnh viếng đền Bến Dược, tượng đài Đất thép thành đồng, bia tưởng niệm liệt sĩ, ...	Chi đoàn	Chi đoàn
	9	[H4- 4.2-09]	Hồ sơ chi đoàn		Chi đoàn	Chi đoàn
	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường các năm học: 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	- Số 152/KH-THCSTT2 ngày 21/09/2018. - Số 249/KH-THCSTT2 ngày 20/08/2018. - Số 234/KH-THCSTT2 ngày 14/09/2020. - Số 159/KH-THCSTT2 ngày 08/10/2021. - Số 276/KH-THCSTT2 ngày 07/09/2022.	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.1-02]	Chương trình giáo dục phổ thông (2006)	Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006	Bộ trưởng Bộ GD-ĐT	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.1-03]	Chương trình giáo dục phổ thông 2018	Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGD-ĐT ngày 26/12/2018	Bộ trưởng Bộ GD-ĐT	Phó Hiệu trưởng
	4	[H5-5.1-04]	Các chuyên đề bộ môn	Hồ sơ chuyên đề các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-	Tổ bộ môn	Hồ sơ tổ chuyên

				2021, 2021-2022, 2022-2023.		môn
	5	[H5-5.1-05]	KHBD các tiết hướng dẫn tự học	Kế hoạch bài dạy của giáo viên	Giáo viên	Hồ sơ giáo viên
	6	[H5-5.1-06]	Kế hoạch dạy học STEM	- Số 149/KH-THCSTT2 ngày 21/09/2018. - Số 252/KH-THCSTT2 ngày 20/08/2019. - Số 252/KH-THCSTT2 ngày 20/08/2021. - Số /KH-THCSTT2 ngày 20/09/2022.	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	7	[H5-5.1-07]	Quy chế, Kế hoạch kiểm tra, đánh giá	- Số 150/QĐ-THCSTT2 ngày 09/11/2019. - Số 128/QĐ-THCSTT2 ngày 14/09/2021. - Số 123/QĐ-THCS TT2 ngày 10/10/2022	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	8	[H5-5.1-08]	Sổ theo dõi, đánh giá học sinh	Sổ theo dõi, đánh giá của giáo viên các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023.	Giáo viên	Học vụ
	9	[H5-5.1-09]	Kế hoạch thời gian năm học của UBND thành phố Hồ Chí Minh 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023.	- Quyết định số 2833 /QĐ-UBND ngày 02 / 07/2019. - Quyết định số 2833 /QĐ-UBND ngày 02 / 07/2019. - Quyết định số 2752 /QĐ-UBND ngày 04/08/2020.	UBND TP.HCM	Phó Hiệu trưởng

				- Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 18/08/2021. - Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 10/08/2022.		
	10	[H5-5.1-10]	Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn	Kế hoạch giáo dục của từng tổ chuyên môn các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Tổ trưởng chuyên môn	Tổ trưởng chuyên môn
	11	[H5-5.1-11]	Kế hoạch giảng dạy Tiếng Anh với người nước ngoài	- Số /KH-THCSTT2 ngày 21/09/2018. - Số /KH-THCSTT2 ngày 20/08/2018 -Số /KH-THCSTT2 ngày 14/09/2020. -Số /KH-THCSTT2 ngày 08/10/2021. -Số /KH-THCSTT2 ngày 07/09/2022.	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	12	[H5-5.1-12]	Kế hoạch dạy Chương trình Tăng cường Tiếng Anh	Kế hoạch dạy Chương trình Tăng cường Tiếng Anh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	12	[H5-5.1-13]	Kế hoạch dạy học chương trình Tích hợp Anh – Việt Nam	- Số /KH-THCSTT2 ngày 06/09/2019. - Số 227/KH-THCSTT2 ngày 15/09/2020. - Số 241/KH-THCSTT2 ngày 06/09/2021. - Số /KH-THCSTT2 ngày	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

				06/09/2022.		
	14	[H5-5.1-14]	Kế hoạch dạy kỹ năng sống	Số 236/KH-THCSTT2 ngày 18/09/2020.	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	15	[H5-5.1-15]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi	- Số 92/KH-THCSTT2 ngày 05/05/2018. - Số 133/KH-THCSTT2 ngày 22/05/2019. - Số 139/KH-THCSTT2 ngày 29/07/2020. - Số 190/KH-THCSTT2 ngày 04/06/2021. - Số 202/KH-THCSTT2 ngày 05/07/2022.	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	16	[H5-5.1-16]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu	- Số 153/KH-THCSTT2 ngày 21/09/2018. - Số 259/KH-THCSTT2 ngày 20/08/2019. - Số 231/KH-THCSTT2 ngày 15/09/2020. - Số 255 /KH-THCSTT2 ngày 06/10/2021. - Số /KH-THCSTT2 ngày 07/09/2022.	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
5.2	1	[H5-5.2-01]	Danh sách học sinh khó khăn	Danh sách học sinh khó khăn của trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Tổng Phụ trách Đội

	2	[H5-5.2-02]	Thời khóa biểu phụ đạo học sinh yếu kém và Danh sách học sinh học phụ đạo	Thời khóa biểu và danh sách học sinh yếu kém tham gia học phụ đạo theo kế hoạch các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023.	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.2-03]	Danh sách và lịch bồi dưỡng học sinh giỏi	Lịch bồi dưỡng học sinh giỏi và danh sách học sinh tham gia bồi dưỡng các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023.	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	4	[H5-5.2-04]	Kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật học hoà nhập	- Số 152/KH-THCSTT2 ngày 21/09/2018. - Số 251/KH-THCSTT2 ngày 20/08/2019 - Số 223/KH-THCSTT2 ngày 14/09/2020. - Số /KH-THCSTT2 ngày 08/10/2021. - Số /KH-THCSTT2 ngày 07/09/2022.	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	5	[H5-5.2-05]	Danh sách học sinh giỏi các cấp	Danh sách học sinh giỏi cấp Huyện, cấp Thành phố các năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Cấp Công nhận	Phó Hiệu trưởng
5.3	1	[H5-5.3-01]	Văn bản chỉ đạo về lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục địa			Phó Hiệu trưởng

			phương			
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch giáo dục nội dung giáo dục địa phương	Kế hoạch giáo dục Chương trình Giáo dục địa phương khối 6,7	Phó hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.3-03]	Nội dung kiểm tra môn Lịch sử	Đề kiểm tra giữa kì cuối kì môn Lịch sử	Tổ chuyên môn	Hồ sơ tổ chuyên môn
	4	[H5-5.3-04]	Biên bản họp tổ rà soát nội dung giáo dục địa phương	Biên bản họp nhóm bộ môn Lịch sử	Tổ chuyên môn	Hồ sơ tổ chuyên môn
5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch giáo dục hướng nghiệp	- Số 148/KH-THCSTT2 ngày 20/09/2018. - Số 165/KH-THCSTT2 ngày 05/09/2019. - Số 221/KH-THCSTT2 ngày 12/09/2020.	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.4-02]	Kế hoạch tổ chức dạy nghề phổ thông	- Số 170/KH-THCSTT2 ngày 18/10/2018. - Số 282 /KH-THCSTT2 ngày 07/10/2019. - Số 249/KH-THCSTT2 ngày 05/10/2020. - Số /KH-THCSTT2 ngày 08/10/2021. - Số /KH-THCSTT2 ngày 07/09/2022.	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.4-03]	Kê hoạch hoạt động trải	- Số 151/KH-THCSTT2 ngày	Hiệu	Phó Hiệu

			nghiệm, sáng tạo 21/09/2018. - Số 258 /KH-THCSTT2 ngày 20/08/2019. - Số 229/KH-THCSTT2 ngày 15/09/2020. - Số 284/KH-THCSTT2 ngày 05/11/2021. - Số /KH-THCSTT2 ngày 07/09/2022.	trưởng	trưởng
	4	[H5-5.4-04]	Danh sách học sinh, hồ sơ tham quan trải nghiệm, hướng nghiệp	Hiệu trưởng	Tổng phụ trách Đội
	5	[H5-5.4-05]	Danh sách, hồ sơ các lớp nghề phổ thông	Phó Hiệu trưởng	GV phụ trách nghề PT
	6	[H5-5.4-06]	Phiếu đăng ký/ Hình ảnh tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 9	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	7	[H5-5.4-07]	Bảng phân công GV thực hiện công tác hướng nghiệp, trải nghiệm sáng tạo	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
5.5	1	[H5-5.5-01]	Hồ sơ/ hình ảnh chuyên đề giáo dục pháp luật	Hiệu trưởng	CB pháp chế

				- Số 280/KH-THCSTT2 ngày 02/11/2020. - Số 302/KH-THCSTT2 ngày 26/11/2021. - Số 06/KH-THCSTT2 ngày 16/01/2022.		
	2	[H5-5.5-02]	Hồ sơ/ hình ảnh chuyên đề giáo dục Luật giao thông	Hồ sơ, hình ảnh chuyên đề giáo dục Luật giao thông các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	CB pháp chế
	3	[H5-5.5-03]	Hồ sơ/ hình ảnh chuyên đề tuyên truyền phòng chống dịch bệnh	Hồ sơ, hình ảnh chuyên đề tuyên truyền phòng chống dịch bệnh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Phó Hiệu trưởng	CB Y tế
	4	[H5-5.5-04]	Hồ sơ/ hình ảnh chuyên đề giáo dục giới tính	Hồ sơ, hình ảnh chuyên đề giáo dục giới tính học các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	Hiệu trưởng	Tổ chuyên môn (KHTN)
	1	[H5-5.5-06]	Hồ sơ/ hình ảnh chuyên đề giáo dục tác hại game, sử dụng mạng xã hội an toàn		Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.5-07]	Kế hoạch giáo dục Luật Giao thông,	- Số 47/KH-THCSTT2 ngày 30/08/2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.5-08]	Sổ theo dõi dịch bệnh, hồ sơ tuyên truyền phòng chống dịch		Phó Hiệu trưởng	CB Y tế

			bệnh			
	4	[H5-5.5-09]	Hồ sơ/ hình ảnh các hoạt động STEM		Phó Hiệu trưởng	Tổ chuyên môn
	5	[H5-5.5-10]	Hồ sơ / hình ảnh Phòng Thí nghiệm, các hoạt động tại phòng Thực hành - Thí nghiệm		Phó Hiệu trưởng	CB. Thiết bị- THPTN
5.6	1	[H5-5.6-01]	Bảng số liệu thống kê chất lượng học sinh cuối năm	Số liệu đính kèm báo cáo tổng kết các năm học các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.6-02]	Bảng số liệu thống kê tỉ lệ học sinh được xét TN. THCS	Bảng số liệu thống kê tỉ lệ học sinh được xét TN. THCS các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.6-03]	Bảng số liệu thống kê kết quả thi TS 10 và các hệ tương đương	Bảng số liệu thống kê kết quả thi TS 10 và các hệ tương đương các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng